

## THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

### QUYỂN 9 (PHẦN CUỐI)

Soạn giả: Sa-môn Khuy Cơ

**Luận:** “Hoặc có ba tánh”, đến “đều không có tự tánh”.

Thuật rằng: Phần thứ hai lỗi trái với kinh. Nếu nói ba tánh cũng không lìa thứ mà có ba chủng thì tại sao Thế Tôn nói: “Tất cả pháp đều không có tự tánh?”, hiện tại luận này nói có thức.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “tức là Duy thức thật tánh”.

Thuật rằng: Luận Hiển Dương quyển 16 nói cùng với đây đồng. Tụng thứ nhất và thứ hai chánh đáp chỗ hỏi, một bài tụng sau thuyết minh tánh Duy thức, tức là từ năng biến thứ nhất đến năng biến sau, cùng với hai bài tụng này, nói rộng như nửa phần đầu của bài tụng thứ nhất. Tông thuyết minh về Thế tục đế, đây là hiển bài tụng thứ ba hiển bày chỗ nói Chân lý Duy thức ở trước. Tông thuyết minh Thắng nghĩa đế, là tổng thành tựu phần đầu ở trước. Hoặc phỏng theo cảnh, hạnh và quả mà phân khoa. Từ trước đến đây cùng với hai bài tụng đầu này nói rộng về cảnh của Tục đế, bài tụng thứ ba này thì nói rộng về cảnh của Chân đế, từ đây trở lên thì tùy ứng mà tư duy. Ngay trong hai bài tụng đầu thì tụng thứ nhất là đáp chung, bài tụng thứ hai là đáp riêng.

**Luận:** “Tức là y theo ở đây và trước”, đến “không phải tánh toàn không có”.

Thuật rằng: Văn Trường hàng có hai đoạn:

1. Giải thích riêng ba Vô tánh.
2. Tổng giải ý tụng.

Ngay trong tụng giải thích riêng ba Vô tánh phân làm hai phần:

1. Giải thích ba Vô tánh của hai tụng trước.
2. Giải thích Duy thức chân tánh của tụng thứ ba.

Trước hết giải thích đáp chung ý của tụng thứ nhất; kế tiếp giải thích ba Vô tánh của tụng thứ hai; sau cùng là ba Vô tánh, y theo chỗ đã nói ở trước về ba tánh của Biến kế sở chấp mà lập ba Vô tánh đó:

1. Tướng vô tánh.
2. Sinh vô tánh.
3. Thắng nghĩa vô tánh.

Trong quyển 76 và kinh Giải Thâm Mật, Bồ-tát Đức Bốn thỉnh thuyết, Phật nói, tất cả đều đồng ở đây.

**Luận:** “Nói hai chữ mật ý”, đến “là tổng nói Vô tánh”.

Thuật rằng: Giải thích chữ mật ý, luận này nói là hai tánh sau cùng tuy thể chẳng phải không có, nhưng có ngu phu đối với hai tánh đó khởi chấp tăng thêm, như chỗ dẫn Nhiếp Đại thừa ở trước, nói tánh Y tha là sở duyên của Biến kế, tánh Viên thành thật nương vào triển chuyển cho nên nói cũng là sở biến kế. Quyển 76 ghi: “Không phải do quán sát riêng ba chủng tự tánh mà lập ba Vô tánh, chỉ do hữu tình đối với Y tha khởi tự tánh và tánh Viên thành thật mà tăng thêm biến kế sở chấp tự tánh”. Tôi lập ba chủng tánh vô tự tánh, cho đến nói rộng, cho nên y theo hữu thể và vô thể của ba tánh mà tổng mật ý nói ba chủng vô tánh. Ba chủng vô tánh không phải không có hai tánh sau, chỉ không có kế sở chấp.

**Luận:** “Tại sao y theo ba tánh này mà lập ba chủng kia?”

Thuật rằng: Trên giải thích tụng thứ nhất để đáp chung ý đã xong. Từ đây trở xuống sẽ giải thích riêng ba Vô tánh trong tụng thứ hai, cho nên trước hỏi để phát khởi.

**Luận:** “Là y theo tánh thứ nhất này”, đến “chỗ hiển của Vô tánh”.

Thuật rằng: Thể của tánh thứ nhất không có, thể của hai tánh sau thì có mật ý nói, vì là thể của hữu pháp. Các văn còn lại có thể hiểu, không phiền giải thích lại. Thắng nghĩa chỉ do chỗ hiển của Vô tánh cho nên gọi là Vô tánh. Y tha thì có duyên sinh, không có tánh tự nhiên sinh, cho nên gọi là Vô tánh, phối hợp riêng với giải thích tụng, như lý nên biết.

**Luận:** “Tuy Y tha khởi”, đến “cho nên ở đây không nói”.

Thuật rằng: Giải thích Y tha khởi cũng gọi là Thắng nghĩa vô tánh. Nguyên nhân không nói văn này, vì chữ Vô nói là phi. Y tha tuy là pháp hữu thể, nhưng không phải Thắng nghĩa gọi là Thắng nghĩa vô tánh, chỗ chấp không có cho nên không thể đặt ví dụ. Lại nữa, quyển 76 ghi: “Các pháp sinh khởi không có tánh của tự tánh cho nên gọi là vô tự tánh”, do đó tức là duyên sinh pháp. Hiển Dương luận ghi: “Không ngăn trách duyên sinh, mà ngăn trách tự nhiên sinh”, tức là duyên sinh pháp cũng gọi là tánh Thắng nghĩa không có tự tánh. Trong các pháp

hoặc là cảnh sở duyên của thanh tịnh, tôi hiển thị nó là Thắng nghĩa vô tánh. Tướng của Y tha khởi cũng là cảnh giới sở duyên của thanh tịnh, cho nên cũng gọi là Thắng nghĩa vô tánh. Sau khi Vô lậu thì đắc chân trí, gọi là thắng, cũng duyên Y tha này làm cảnh, Y tha này cũng gọi là sở duyên của thanh tịnh, vì nghĩa thù thắng. Sở chấp đã không có cái gì mà không phải là Thánh cảnh, nhưng không được tên này (sở Chấp) chỉ vì không có kế sở chấp kia, cho nên nói Thắng nghĩa vô tánh, cho đến nói rộng. Hoặc nói Y tha là Thắng nghĩa vô tánh thì Viên thành thật này tức là Thắng nghĩa vô tánh thứ hai, như sợ rằng Thắng nghĩa vô tánh của Y tha lạm dụng lan qua Thắng nghĩa vô tánh thứ hai của Viên thành thật, cho nên trong luận này chỉ nói Thắng nghĩa vô tánh của Viên thành thật, không nói Y tha là Thắng nghĩa vô tánh. Nên biết kinh kia có nói rộng ví dụ.

**Luận:** “Tánh này tức là”, đến “Thắng nghĩa đế”.

Thuật rằng: Dưới đây là đoạn thứ hai giải thích tánh Duy thức, nên biết phối hợp giải thích riêng tụng, Viên thành thật Thắng nghĩa vô tánh của nó tức là Thắng nghĩa đế của chư pháp.

**Luận:** “Nhưng Thắng nghĩa đế”, đến “nhất chân pháp giới”.

Thuật rằng: Chỉ có nghĩa của hai Đế và văn dẫn trong luận, như quyển 1 Sao rộng dựng lập các nghĩa đó. Ở đây thì tùy theo cạn sâu mà lập bốn thứ, đều là các nghĩa thù thắng. Hoặc lấy thắng làm nghĩa, thắng tức là nghĩa. Tùy theo chỗ thích ứng của nó thì đều là thù thắng đối với Thế tục đế thứ nhất. Nhưng chân thật thứ nhất này là mười thiện xảo, chân thật thứ hai là lý nhân quả của bốn Đế, chân thật thứ ba là y theo truyền mà hiển thật, chân thật thứ tư thì phế truyền mà luận đàm ý chỉ. Lại thêm một bước nữa mà luận thì ba Thừa hợp chung thuyết minh hai Đế, không phải chỉ Bồ-tát Thừa, như luận Hiển Dương quyển 2, 6, 19, luận Du-già quyển 55, 56 và luận Đối Pháp quyển 6 nói.

**Luận:** “Thắng nghĩa trong đây”, đến “không phải nghĩa hư vọng”.

Thuật rằng: Vì ba tánh trước không phải Chân như cho nên nói “cũng”. Chân là lựa riêng với Hữu lậu, vì Hữu lậu là vọng; Như là lựa riêng với Vô lậu Hữu vi, vì thể của Vô lậu Hữu vi tuy Chân nhưng có sinh diệt. Lại nữa, Chân là lựa riêng với tánh thứ nhất, vì vọng chấp; Như là lựa riêng riêng với Y tha, vì có sinh diệt. Văn còn lại có thể hiểu.

**Luận:** “Chữ ‘cũng’ là để hiển Chân như này”, đến “tùy nghĩa mà rộng giải thích”.

Thuật rằng: Nói rằng Đại Bát-nhã mới có mười hai tên, như quyển 2 trước đã nói. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 2 có bảy tên, là Chân như, Vô ngã tánh, Không tánh, Vô tướng, Thật tế, Thắng nghĩa và pháp giới. Trong tụng này thì chỉ có hai tên, gồm cả các sư giải thích luận này cũng chỉ có bốn tên, cho nên nói “vân vân” là đồng chỉ cho ba tên còn lại. Như trong các luận khác thì tùy nghĩa mà giải thích rộng. Luận Đối Pháp giải thích: “Thể hằng Vô ngã, không có chuyển biến, gọi là Chân như”. Tánh lìa hai ngã gọi là Vô ngã, do duyên Vô ngã này mà lìa nhiễm được không tịch, nói đó là Không. Nói rằng sắc cho đến Bồ-đề, các tướng đều tịch diệt cho nên gọi là vô tướng. Sở duyên của vô đảo và cứu cánh vô đảo gọi là Thật tế. Sở hành của Thánh trí gọi là Thắng nghĩa, đồng với giải thích trong luận này. Diệu pháp của ba Thừa là tướng sở y, cho nên gọi là pháp giới, chữ giới nghĩa là thể, chỉ có diệu pháp nương tựa. Tánh nghĩa là thể, là thể của tất cả pháp cho nên gọi là pháp tánh, trong lạng lìa đảo, gọi là Bất hư vọng. Ngoài ra, chỗ thích ứng tất cả nên biết như là thể pháp. Luận Phật Địa quyển 7 có sáu tên, Thật Hữu và luận Đối Pháp khác nhau, đều rộng giải thích. Luận Du-già và luận Hiển Dương tuy có tên nhưng đều không giống như luận Đối Pháp, không phiên dẫn ra. Đến đây đã giải thích ba câu trên của tụng thứ ba xong, tức là Thắng Man và luận Du-già không có nói bốn Đế như Phi an lập đế. Tiếp theo giải thích câu thứ tư.

**Luận:** “Tánh này tức là”, đến “nói hai chữ Thật tánh”.

Thuật rằng: Phần đầu giải thích hai tánh nương và Y tha khởi. Phần đầu này giải thích lấy Chân như thật tánh lựa riêng với tánh kế sở chấp, để hiển ý của tụng.

**Luận:** “Lại có hai tánh”, đến “cho nên nói Thật tánh”.

Thuật rằng: Đây là tướng và tánh. Tánh là thật thể, tức là chỉ có Chân như. Tướng cũng gọi là thể, vì là thể của Y tha, tương đối với hữu pháp. Không thuyết minh tánh thứ nhất, vì không có thể.

**Luận:** “Ba bài tụng tổng hiển”, đến “đều không có tự tánh”.

Thuật rằng: Một bài tụng đầu thì tánh không có, hai bài tụng sau thì quyết định có. Văn còn lại dễ hiểu, là giải thích chung ý tụng, không phiên giải thích lại. Từ trên đến đây, hai mươi lăm bài tụng, có phân hai cặp để phân xét riêng:

1. Hai mươi bốn bài tụng trước, thuyết minh tướng Duy thức. Bài tụng thứ hai mươi lăm thuyết minh tánh Duy thức.

2. Trong hai mươi lăm bài tụng: Một bài rưỡi tụng đầu thuyết minh sơ lược tướng Thức năng biến. Hai mươi ba bài rưỡi tiếp theo

thuyết minh rộng tướng năng biến. Giải thích các vấn nạn đã xong.

Từ đây trở xuống năm bài tụng thuyết minh Địa vị chỗ nhập của Duy thức. Đã nói thế gian giả thuyết ngã pháp và các pháp của biển kể sở chấp đều Không. Giả ngã pháp này đều nương vào thức mà biến. Thức năng biến lược có ba thứ, hai mươi bốn bài tụng đã phân biệt rộng, tức là thể của Y tha khởi có như hư huyền, vì thức hư vọng này chắc chắn có Thật thể. Còn một bài tụng tiếp theo thuyết minh tánh của thức, tức là Viên thành thật. Tuy biết các pháp đều là Duy thức hoặc tướng hoặc tánh, cần phải tiếm tu hành chứng nhập Thánh vị, cho nên năm bài tụng dưới đây thuyết minh chỗ nhập Địa vị, chỗ cầu đại quả phước trí vô biên, không phải có tu hành chút ít thì liền được mau chóng chứng đắc tròn đầy, không phải tu hành một hạnh mà liền chứng nhiều quả, chắc chắn phải ba kiếp tu hành vô biên nhân duyên. Ba kiếp, đều là nhân vị nhiếp, tức là bốn bài tụng đầu. Một bài tụng cuối cùng là quả mong cầu đã viên mãn, tức là Như Lai vị. Bốn bài tụng đầu phân làm ba kiếp, hai quả vị đầu là Sơ kiếp nhiếp. Tuy tu hành thắng hạnh cũng chưa được chứng chân. Học và hành có muôn ngàn sai khác, Địa vị có xa gần, cho nên lấy hai bài tụng để thuyết minh Sơ kiếp. Bài tụng thứ ba toàn đủ và bài tụng thứ tư phần ít giải thích về kiếp thứ hai. Khi mới chứng Thánh vị thì kiến đạo vị và Tu đạo vị khác nhau, chỉ có bài tụng thứ ba là thuyết minh thiên về kiến đạo. Địa vị tuy lâu dài, nhưng chứng lý thì như vậy, cho nên bài tụng thứ tư hợp chung thuyết minh hai kiếp. Nửa bài tụng thứ tư thuyết minh kiếp thứ ba. Ngay trong năm vị, thứ nhất là tổng kết văn trên để hiển rõ chỗ thuyết minh sau phát sinh năm vị, thứ hai là nêu ra văn tụng để chánh giải thích năm vị. Trong phần thứ nhất có ba đoạn:

1. Tổng kết các văn trên, đặt ba câu hỏi.
2. Tùy theo chỗ hỏi mà tóm lược làm ba câu đáp.
3. Nói rộng về chỗ đáp riêng ba câu hỏi đáp trước.

**Luận:** “Như vậy chỗ thành tánh tướng của Duy thức”.

Thuật rằng: Tổng kết đoạn văn trên, hai mươi bốn bài tụng nói về tướng, một bài cuối cùng nói về tánh.

**Luận:** “Ai, đối với mấy Địa vị và như thế nào ngộ nhập?”

Thuật rằng: Đây là đặt ra ba câu hỏi. Ai, là hỏi người ngộ nhập. Trong năm Thừa, ai là người có thể nhập thì không đồng. Đối với mấy Địa vị, là hỏi chỗ trải qua của các Địa vị, tức là đã nói ngộ nhập thì có mấy Địa vị để nhập, và trải qua thời tiết ngắn dài bao nhiêu. Như thế nào ngộ nhập, là hỏi phương tiện để nhập, là biết phương tiện của Duy

thức như thế nào mà ngộ nhập.

**Luận:** “Là có đủ Đại thừa”, đến “dần dần ngộ nhập”.

Thuật rằng: Đây là lược đáp. Nói rằng có đủ hai thứ chủng tánh của Đại thừa để đáp người năng nhập, thông với bậc căn khí lớn định tánh và bất định tánh, không phải các Thừa khác. Sơ lược đối với năm vị để đáp khi tu hành trải qua. Mười ba trụ tóm lược làm năm vị. Đại quả khó chiêu cảm cho nên phải trải qua năm vị. Dần dần ngộ nhập, là để đáp phương tiện ngộ nhập, vạn hạnh khó tu, hai quả không thể chứng, không phải đốn phương tiện thì liền có thể nhập.

**Luận:** “Thế nào là hai thứ chủng tánh của Đại thừa?”

Thuật rằng: Đây là biệt vấn thứ ba. Đáp riêng thì lược đáp rộng như trước. Trong đó có ba phần, như giải thích chung ở trước.

**Luận:** “Một là Bản tánh trụ chủng tánh”, đến “nhân của pháp Vô lậu”.

Thuật rằng: Đây là nương vào Chánh nghĩa thứ ba trong ba nghĩa của chủng tử ở trước để đáp. Khi chưa nghe chánh pháp thì chỉ có Vô lậu chủng tử vô tử tự thành, chưa từng huân tập khiến cho nó tăng trưởng, gọi là Bản chủng tánh. Tánh là thể, tánh là loại, tức là nói từ bản tánh đến trụ chủng tử tánh loại sai biệt của Bồ-tát này. Không phải do hiện tại có mà gọi là Bản tánh trụ chủng tánh. Tam Thập năm Bồ-tát địa ghi: “Vô tử pháp nhĩ, sáu xứ thù thắng gọi là Bản tánh trụ chủng, chính là cùng với đây đồng, tức là chủng tánh trụ.

**Luận:** “Hai là tập sở thành chủng tánh”, đến “chỗ thành của huân tập”.

Thuật rằng: Đây là từ khi nghe chánh pháp trở đi, khiến cho chủng tử Vô lậu xưa tăng trưởng, gọi là tập chủng tánh. Bồ-tát địa ghi: “Nghe mười hai phần giáo, pháp giới Đẳng lưu bình đẳng mà lưu chuyển”. Là đại định duyên Chân như đồng thời khởi chánh trí hậu sinh và hậu đắc. Hậu đắc lại khởi đại bi, đại bi khởi hóa thân, có hóa thân mới thuyết pháp này, pháp này do đó gọi là bình đẳng lưu. Lại nữa, pháp giới tánh nếu khi có thể ngộ nhập thì liền đoạn sinh tử tiến đến Đại Niết-bàn. Pháp này cũng như vậy. Lại nữa, pháp giới tánh thuận thiện nghịch ác, có đủ các công đức. Pháp này cũng vậy, cho nên gọi là Đẳng lưu. Chữ “đẳng” có nghĩa là tương tự, chữ lưu có nghĩa là ra khỏi. Từ chỗ ra khỏi kia và tương tự kia, do đó gọi là Đẳng lưu. Văn sở thành, tức là chỗ thành của ba tuệ. Không phải mới sinh mà gọi là thành, vì khiến cho chủng tử tăng trưởng cũng gọi là thành. Nếu do Vô lậu chủng của ba tuệ tăng trưởng thì tại sao lại nói văn sở thành? Có ý là hiển năng thành

không phải chỉ có tuệ, vì tuệ đồng thời với phẩm pháp cũng gọi là năng thành. Năng thành đã như thế thì sở thành cũng như thế, cho nên luận nói Văn sở thành.

**Luận:** “Phải đủ Đại thừa”, đến “ngộ nhập Duy thức”.

Thuật rằng: Đây không phải chỉ có Nhất thừa tánh. Ba Thừa chủng tánh và bất định tánh cũng là người này, vì có đủ Đại thừa mới có thể ngộ nhập. Nhưng nói Đại thừa là lựa riêng với định tánh và vô chủng tánh kia. Đây là chưa gieo trồng giải thoát phần thiện, gọi là bản chủng tánh, chưa nghe pháp Vô lậu để khiến cho Vô lậu tăng trưởng. Từ khi gieo trồng giải thoát phần thiện cản trở đi thì gọi là tập chủng tánh, vì nghe Vô lậu giáo làm duyên, khiến cho Vô lậu chủng tăng trưởng. Bồ-tát địa nói, chính cùng với đây đồng. Xét các luận kia chỗ nên nói, dưới đây không giải thích mà chỉ riêng nêu ra. Nhưng chỗ nói của các kinh nhân vương và anh lạc, không đồng nhau như trong Biệt sao mà hiểu. Nhiếp luận quyển 6 ghi: “Người nào có thể ngộ nhập sở ứng tri tướng? Đại thừa nhiều văn huân tập tương tục, đã được gặp sự chư Phật xuất thế, đắc định thắng giải, tập hợp các thiện căn, khéo tu phước trí tư lương của Bồ-tát, người đó ước chừng có nhiều công năng, có bốn thứ lực cho nên mới có thể ngộ nhập. Nhưng trong đây chỉ nói có đủ Bản tánh chủng tánh, tức là chỗ nói Đại thừa kia. Tập sở thành, tức là chỗ nói nhiều văn huân tập kia, là nhân và lực. Còn lại ba lực, dưới đây trong nhập vị, chỗ cần thiết mới nói, cho nên cùng với luận kia sơ lược và nói rộng không đồng, sau sẽ biết. Nhưng có đủ bản tánh cũng chưa có thể nhập, có đủ tập sở thành mới nhập được, tức là chương năng nhập vị của Nhiếp luận. Vô Tánh luận ghi: “Dụng và dụng có đủ đều còn chờ tác giả”, cho nên hỏi người nhập là ai có thể nhập không phải chỗ cần thiết chính, do đó ba lực trong đây không nói, vì từ thắng giải hạnh Địa phát tâm trở đi, chưa nhập Sơ địa thì gọi là tập sở thành.

**Luận:** “Thế nào là nhập năm vị của Duy thức?”

Thuật rằng: Đây là hỏi rộng vị thứ hai ở trước.

**Luận:** “Một là tư lương vị”, đến “thuận giải thoát phần”.

Thuật rằng: Đây là tại bốn mươi tâm vị và các vị trước, từ sơ phát tâm cho đến hết mười hồi hương gọi là thuận giải thoát phần. Luận Đối Pháp ghi: “Từ noãn... các vị trở lại, gọi là giải thoát phần”. Lựa riêng với Nhị thừa cho nên nói là Đại thừa.

**Luận:** “Hai là gia hạnh vị”, đến “thuận quyết trạch phần”.

Thuật rằng: Tức là tại noãn... các vị trở lại trong bốn thiện căn. Vị này ở tại sơ kiếp. Các văn sau nói thuộc về thắng giải hạnh Địa.

**Luận:** “Ba là Thông đạt vị”, đến “sở trụ kiến đạo”.

Thuật rằng: Tức là tại Sơ địa, tâm mới nhập Địa.

**Luận:** “Bốn là tu tập vị”, đến “sở trụ Tu đạo”.

Thuật rằng: Tức là từ Sơ địa trụ vị và xuất tâm vị cho đến kim cương vô gián tâm vị gọi là Tu đạo.

**Luận:** “Năm là cứu cánh vị”, đến “chánh đẳng Bồ-đề”.

Thuật rằng: Là hết đời vị lai trong giải thoát đạo sau Kim cương tâm. Năm vị này, dưới đây mỗi mỗi đều giải thích các tên và nêu riêng thể tánh giải thích ba kiếp nhiếp, khởi nhọc giải thích xen vào. Nhiếp Đại thừa luận ghi: “Ngộ nhập chỗ nào?”, tức là nơi người kia có thấy tự pháp và tự nghĩa, cho đến kiến đạo, Tu đạo và cứu cánh đạo của thắng giải hạnh Địa. Luận đó nói bốn vị, luận này nói năm vị, hợp chung với vị thứ nhất và thứ hai của luận này làm thắng giải hạnh Địa, tức là chương sở nhập vị của Nhiếp luận. Luận Vô Tánh ghi: “Cảnh sở nhập này và vị năng nhập”.

**Luận:** “Thế nào là dần dần ngộ nhập Duy thức?”

Thuật rằng: Đây là hỏi rộng về nhập pháp dụng thứ ba ở trước.

**Luận:** “Là các hàng Bồ-tát”, đến “có thể tin hiểu sâu”.

Thuật rằng: Đây là hai câu đầu cũng thông suốt các câu dưới. Vị thứ nhất và thứ hai này lấy đạo làm vị, tức là phần xuất thể, ba vị sau lấy phần làm vị, tức là thông với xuất thể. Trong tư lương vị có thể tin hiểu sâu xa, tuy phục và đoạn cũng chưa được phần nhiều, do ít mà không nói. Tin hiểu mới tăng trưởng thì chỉ gọi là tin hiểu, đến sau sẽ biết.

**Luận:** “Trong gia hạnh vị”, đến “dẫn phát chân kiến”.

Thuật rằng: Trước hết là chế phục sở thủ, kế đó là chế phục năng thủ, vì chế phục khiến cho không khởi, cho nên gọi là trừ, không phải khi lìa phục mà riêng gọi là trừ. Đến sau sẽ biết.

**Luận:** “Tại thông đạt vị”, đến “thật sự thông đạt”.

Thuật rằng: Đây là mới khởi Vô lậu thì hai trí hiện hành, chứng thật tướng và thật tánh.

**Luận:** “Tại tu tập vị”, đến “phục đoạn các chướng còn lại”.

Thuật rằng: Thập Địa hạnh trải qua thời gian lâu xa nhiều kiếp niệm niệm tinh tấn tu tập, gọi là niệm niệm tu chế phục phiền não còn lại và đoạn các trí chướng khác. Trong các vị này tuy cũng tu chứng các hạnh khác và các pháp khác, nhưng Duy thức làm gốc thì mới có thể tu các hạnh khác, cho nên chỉ nói Duy thức.

**Luận:** “Đến cứu cánh vị”, đến “tướng tánh của Duy thức”.



Thuật rằng: Nêu ra đủ hai chương và công đức trí tuệ không có gì mà không sẵn đủ khắp, không đồng với bậc tiểu Thánh, cho nên gọi là viên, không có thiếu chút nào cho nên lựa riêng riêng với Nhị thừa. Hai thứ thanh tịnh của phước và trí rất thù thắng, không có gì vượt hơn. Không mê không ám cho nên gọi là minh, đây là lựa riêng với Bồ-tát. Bồ-tát Thập Địa tuy đều có khắp, có thể gọi là viên nhưng chưa thanh tịnh, như trong lưới nhìn trăng, cho nên không gọi là minh, có thể tận đời vị lai mà hóa đạo tất cả, khiến cho ngộ nhập tướng tánh của Duy thức, để hiển không phải tự tế độ mà thành, đã độ người cho nên gọi là pháp luân. Luân nghĩa là chuyển, luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Do đâu có thể nhập? Do thiện căn và lực đảm nhiệm, ba thứ tâm miệt mài luyện tập đoạn trừ bốn chỗ chướng”. Luận Vô Tánh ghi: “Đây tức là nhập nhân”. Là do nhân gì đối với vị này mới có thể nhập được, cho nên Nhiếp luận ghi: “Do cái gì và thế nào mà được ngộ nhập”. Luận Vô Tánh ghi: “Năng nhập này có đủ”. Chỗ các luận kia nói là ở trong tư lương vị của luận này. Tứ Tâm Tư của luận kia là chỗ làm phương tiện, làm sở nhập và làm sở nhập thí dụ, cùng với Thuận giải thoát phần thứ nhất và danh sự dưới đây lẫn nhau làm khách, làm tâm tư, tâm tư quả và giáo thọ, thành hai bài tụng. Trong gia hạnh vị, người kia ngộ nhập tánh Duy thức, cho nên ngộ nhập ba tánh, nhập cực hỷ Địa, nhập chỗ cần thiết của Duy thức, tức là kiến đạo này. Luận kia thì đã nhập Địa đắc kiến đạo rồi mới nhập Duy thức. Trong Tu đạo, tại sao tu hành nhập nhân quả phần? Tu sai biệt phần, ba học phần là Tu đạo này. Quả trí của luận kia là quả đoạn phần, là cứu cánh đạo của luận này. Nhưng chỗ có mười phần của Nhiếp luận, là trong luận này cũng có, như trước đã trình bày. Bồ-tát địa quyển 47 và 48 trong trụ phẩm nói có mười ba trụ; quyển 49 trong Địa phẩm nói có bảy Địa, đều thuộc năm vị trong đây. Trong mười ba trụ thì mười hai trụ trước là Bồ-tát vị, thuộc bốn bài tụng đầu của năm tụng trong luận này nhiếp, trụ thứ mười ba là Như Lai trụ, tức là Như Lai vị, thuộc tụng thứ năm trong năm tụng này nhiếp mười ba trụ:

1. Chủng tánh trụ, là ở đây nói bản tánh trụ chủng tánh, chưa nhập Tăng-kỳ. Quyển 47 ghi: “Tánh của các hàng Bồ-tát tự nhân hiền”. Tánh tự thành tựu công đức của Bồ-tát và chỗ thích ứng nhiều pháp thiện của Bồ-tát, đối với nó hiện hành thì cũng có hiển hiện, do phương tiện của tánh nhân hiền bức bách khiến cho pháp thiện chuyển, không phải do Tư nhiếp mà có chỗ ức chế, có chỗ phòng hộ. Trụ trong trụ này thì đảm nhiệm tất cả chủng tử của Phật pháp, trong tự thể đã có đầy đủ

tất cả Phật pháp và tất cả chủng tử. Tánh không thể khởi cỗi trên và phiền não trôi buộc, tạo nghiệp Vô gián, hoặc đoạn thiện căn, rộng như phẩm chủng tánh giải thích.

2. Thế nào thắng giải hạnh trụ của Bồ-tát? Là các hàng Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến chưa đắc ý lạc thanh tịnh, chỗ có tất cả hạnh của các hàng Bồ-tát đều thuộc trụ này. Nên biết trụ trên đối với Bồ-tát trụ thứ mười một cùng với Như Lai trụ chỉ có nhân chuyển nhiếp thọ nhân đó. Đối với các trụ còn lại cũng chưa phát thú, chưa đắc và chưa tịnh, huống chi Như Lai trụ. Trụ trong trụ này thì rộng khắp đối với tất cả các Bồ-tát trụ còn lại, cùng với Như Lai trụ đều gọi là phát thú, nhưng chưa đắc và chưa tịnh. Trong tự trụ gọi là thú, gọi là đắc, vì khiến cho thanh tịnh mà tu chánh hạnh. Trong trụ trước, tuy tu các thiện, tánh nhân hiền do đó làm tánh của các thiện, không phải làm tánh của Bồ-đề, do đó mà dấy khởi, vì chưa gọi là phát thú cho nên không nhập tăng-kỳ, chỗ tu của trụ này đều gọi là phát thú, cho nên cùng với trụ trước khác nhau. Vị này thì sức chọn lựa của tư là thù thắng, chỗ tác khởi gia hạnh là vì phân biệt tuệ chưa đắc thắng tu kiên cố tương tục không có thoái chuyển của Bồ-tát. Đây là nói Vô lậu tu tuệ chưa đắc, không phải Hữu lậu tu vị này chưa đắc. Hoặc đây là nói khi mới phát tâm, tám tướng thành đạo của Bồ-tát Thập trụ đã chưa đắc thì tu như thế nào để được có thần thông như vậy? Như đối với vô ngại giải, thân thông, giải thoát, đẳng trì và Đẳng chí của thắng tu và quả thắng tu chưa có thể đắc được. Chưa siêu thoát năm thứ sợ hãi là sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ nẻo ác và sợ ở trong chúng. Có ba chỗ hay quên mất: một là quên mất niệm đối với năm cảnh điên đảo; hai là quên mất niệm đối với sự thọ sinh, quên mất các sự đời trước; ba là đối với pháp thọ trì, lâu dần khởi nói lại có chỗ quên mất. Hoặc có đủ thông tuệ vì người thuyết pháp, phải cố gắng mà chuyển, như bắn cung trong tối, hoặc trúng đích hoặc không trúng đích. Hoặc đối với Bồ-đề tuy đã phát thú, nhưng lại thoái chuyển xả bỏ, hoặc xả bỏ giới, hoặc làm lợi hữu tình mà sinh ra mệt chán, lợi ích an lạc chưa được rộng lớn vô lượng. Trong tất cả học thuật của Bồ-tát chưa được học rộng, trong tướng của Bồ-tát chưa được thành tựu, hai phần tại gia và xuất gia trong chánh hạnh của Bồ-tát chưa bình đẳng hiển hiện. Đối với chỗ nói các tướng hành trạng này, khi bậc hạ phẩm chuyển thì tiến lên thượng phẩm, khi bậc trung phẩm chuyển thì vẫn ở trung phẩm, khi bậc thượng phẩm chuyển thì rút xuống hạ phẩm, vì chuyển chậm mà nhỏ nhẹ. Khi nhập Sơ địa thì tất cả tướng này đều là vô sở hữu, tất cả đều trái nghịch nhau, bạch pháp hiển hiện, cho

đến nói rộng, đều thuộc trụ thứ hai, tức là tư lương đạo và gia hạnh đạo trong luận này. Trong năm bài tụng thì hai bài đầu nhiếp. Vì luận kia nói từ sơ phát tâm cho đến chưa đắc ý lạc thanh tịnh là thắng giải trụ. Luận này nói ý lạc thanh tịnh Bồ-tát trụ là thuộc Sơ địa, cho nên biết bốn thiện căn cũng là thuộc thắng giải hạnh trụ thứ hai. Đã như thế tức là hiển thị thuộc sơ kiếp. Luận này nói trụ này là thuộc sơ kiếp, đến sau sẽ biết. Điều này cùng với hai chủng tánh của kinh Anh Lạc khác nhau, nên biết như biệt tổng hợp. Luận Trung Biên quyển trung trong phẩm Đối Pháp trị thuyết minh phần vị Tu đạo của các niệ m trụ, tức là các niệ m trụ ở tại giải thoát phần, nên biết như biệt ứng.

3. Cực hoan hỷ trụ, cũng gọi là tịnh thắng ý lạc trụ, tức là thuộc Sơ địa. Trụ này có phần ít kiến đạo, tức là tụng thứ ba trong năm bài tụng, trừ ra Trụ địa tâm và xuất Địa tâm.

4. Tăng cồi trên trụ, tức là Địa thứ hai.

5. Tăng thượng tâm trụ, tức là Địa thứ ba.

6. Giác phần tương ứng tăng thượng tuệ trụ, tức là Địa thứ tư.

7. Chư đế tương ứng tăng thượng tuệ trụ, tức là Địa thứ năm.

8. Duyên khởi lưu chuyển chỉ tức tương ứng tăng thượng tuệ trụ, tức là Địa thứ sáu.

9. Vô tướng hữu công dụng trụ, tức là Địa thứ bảy.

Các trụ nói trên thuộc Kiếp thứ hai.

10. Vô tướng vô công dụng trụ, tức là Địa thứ tám.

11. Vô ngại giải trụ, tức là Địa thứ chín.

12. Tối thượng thành mãn Bồ-tát trụ, tức là Địa thứ mười, thuộc Kiếp thứ ba.

Quyển 48 ghi: “Lại nữa, trong mỗi mỗi trụ này, trải qua nhiều Câu-chi trăm ngàn đại kiếp, hoặc vượt hơn số đó mới là chứng đắc, cho đến thành tựu viên mãn”. Nhưng tất cả trụ tổng trải qua ba vô số đại kiếp mới là chứng đắc tròn đầy. Nói rằng trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, mới là vượt qua Thắng giải hạnh trụ, lần lượt chứng đắc Sơ địa. Đây là hằng thường dũng mãnh tinh tấn, không phải là người không dũng mãnh siêng cần tinh tấn. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ hai, mới vượt qua Sơ địa, cho đến hữu gia hạnh hữu công dụng vô tướng trụ, lần lượt chứng Địa thứ tám. Đây là quyết định dũng mãnh siêng cần tinh tấn. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ ba, mới vượt qua Địa thứ tám và Địa thứ chín chứng Địa thứ mười, cho nên biết bốn thiện căn là chỗ nhiếp của sơ kiếp, chưa gọi là đắc thắng ý lạc Địa. Nhiếp luận quyển 7 ghi: “Có năm thứ Bồ-đặc-già-la

trải qua ba vô số đại kiếp”. Nói rằng thắng giải hạnh trải qua vô số đại kiếp thứ nhất tu hành viên mãn. Thanh tịnh tăng thượng ý lạc hạnh, hữu tướng hạnh và vô tướng hạnh Bồ-đặc-già-la, đối với sáu Địa trước và Địa thứ bảy, trải qua vô số đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn. Vô công dụng hạnh Bồ-đặc-già-la của luận này, tức là Địa thứ tám đến Địa thứ mười, trải qua vô số đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Văn dưới đây của luận này, bốn thiện căn cũng thuộc giải hạnh Địa, cho nên biết là chỗ nhiếp của sơ kiếp. Cổ nhân vấn nạn rằng: “Phương tiện của Sơ thiên không phải thuộc cõi Dục thì phương tiện của Sơ địa không phải sơ kiếp nhiếp?”. Đáng lẽ đặt câu hỏi vặn: “Phương tiện của Sơ địa không phải sơ kiếp, phương tiện của Sơ địa không phải thuộc phạm phu”. Hoặc nói: “Chưa chứng Chân không phải thuộc bậc Thánh” thì đáng lẽ nói: “Chưa chứng Chân cho nên không phải thuộc Kiếp thứ hai”. Lại nữa, họ vấn nạn rằng, luận Đại Trang Nghiêm và luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Sơ kiếp của bốn thiện căn đã mãn rồi mới tu tập”. Có thể không phải là Sơ kiếp? Đáng lẽ hỏi vặn lại rằng, lại như kinh Anh Lạc ghi: “Trăm kiếp tu ngàn tam-muội, ngàn kiếp học oai nghi của Phật, vạn kiếp hóa hiện thành Phật nhập đại tịch định”. Đó là nói ba đại kiếp của Bồ-tát Đẳng giác đã viên mãn, tại sao không phải thuộc Phật Địa? Lại nữa, trong bốn thiện căn của luận này, cũng nói Sơ kiếp thuận giải thoát viên mãn rồi mới tu, lẽ nào điều đó không phải là thuộc thắng giải hạnh? Tâm tu tướng hảo đầy đủ, cũng là nhiếp trong sơ kiếp. Tâm tu bốn thiện căn đầy đủ thì quyết định là chỗ nhiếp của Sơ kiếp, thành lập rộng điều này, như luận Đối Pháp quyển 11 sao. Quyển 48 ghi: “Có hai vô số đại kiếp: một là ngày đêm tính số thời gian vô lượng, cho nên gọi là vô số; hai là như trước đã nói, vượt qua tất cả toán số, gọi là vô số đại kiếp”. Hoặc nói kiếp trước là trải qua vô lượng vô số mới chứng Bồ-đề. Hoặc nói kiếp sau chỉ có ba vô số mới chứng Bồ-đề thì không vượt hơn số lượng này. Như kinh Anh lạc quyển hạ ghi: “Tám trăm dặm đá, áo của trời tịnh cư phất hết thì gọi là một đại tăng-kỳ kiếp”. Hoặc tinh tấn vượt lên, hoặc chuyển nhiều trung kiếp, hoặc có chuyển nhiều đại kiếp thì quyết định không có chuyển vô số đại kiếp, tức là chỗ siêu lượng trung kiếp của Thích-ca Bồ-tát. Số kiếp của một tiểu tam tai kiếp, Thích-ca Bồ-tát siêu vượt chín kiếp chỉ từ nhắc chân. Hoặc nói siêu vượt mười hai kiếp, vì báo tin nghe kệ của Tuyết sơn. Hoặc siêu vượt mười một kiếp, đem thân vào loài quỷ thú, như Biệt sao tổng hợp. Thời gian này lâu xa, chừng nào mới thành Phật? Ở trong mộng thì cho là nhiều năm, như Nhiếp luận nói rộng. Đây là chín Địa sau thì hoàn toàn đủ, Sơ địa

thì phần ít Tu đạo, tức là tụng thứ tư trong năm bài tụng nhiếp. Nhưng mười hai trụ trở về trước đều là nhân vị, Như Lai trụ tối cực thứ mười ba tức là cứu cánh đạo, thuộc Như Lai địa, tức là tụng thứ năm trong năm bài tụng nhiếp. Chỗ nhiếp của quả vị, đây là mười một trụ sau, dưới đây luận giải thích rộng, không trình bày xen vào ở đây.

Có sai biệt là Bồ-tát địa và kinh Thập Địa, dưới đây tự giải thích rộng. Hai trụ đầu tiên tuy luận có văn, nhưng không giải thích rộng hành tướng này. Ở đây nêu riêng hai trụ đó. Chủng tánh trụ tức là lấy tất cả Phật pháp và tất cả chủng tử Vô lậu làm thể, vì chưa khởi tâm thú hưởng hiện hành Vô lậu và Hữu lậu, tức là chung với chủng tử của năm uẩn làm thể. Trong chánh trí của năm pháp, căn cứ theo ba tánh thì thuộc hai tánh Y tha và Viên thành thật, vì thường và vô thường, lậu và Vô lậu riêng khác. Trụ thứ hai thì lấy tất cả chủng tử Vô lậu của Phật pháp, Hữu lậu thì tùy thuận với tất cả công đức của hiện hành và chủng tử làm tánh, vì tâm khởi thuận các nẻo. Dẫn chứng các điều này, như trước đã nói. Chưa chứng Chân như, chỉ lấy hữu và vô làm thể. Thập trụ tiếp theo thì luận này lấy công đức Vô lậu của Hữu vi và Vô vi là tánh, vì đã chứng Chân như. Luận này cũng lấy tất cả công đức thuận các nẻo của thế gian chưa từng đắc làm thể. Ba mươi hai tướng không phải đều là Vô lậu, là chánh trí, phân biệt, Chân như và tướng làm thể, hai tánh như trước. Như Lai trụ lấy công đức Vô lậu của Hữu vi và Vô vi làm thể. Dưới đây trong mười Địa và ba thân sẽ tự giải thích.

Phân rõ sai biệt, là thắng giải hạnh trụ, đối với chỗ tác khởi tu hành của Bồ-tát thì nhỏ hẹp, có thiếu sót bất định, chỗ đắc có thoái chuyển. Cực hoan hỷ trụ thì chỗ tác khởi tu hành rộng lớn, không có thiếu sót quyết định, chỗ đắc không thoái chuyển. Cho đến ba thứ tăng thượng tuệ trụ cũng như thế, tức là hành tướng của sáu trước đều đồng. Từ vô tướng trụ thứ nhất tức là Địa thứ bảy, cho đến thành mãn Bồ-tát trụ chỗ tác khởi tu hành vô lượng, cho nên không có thiếu sót quyết định, chỗ đắc không có thoái chuyển. Lại nữa, thắng giải hạnh trụ thì đối với vô tướng mà tu phát thú, sáu Địa trở về trước đều đạt được. Địa thứ bảy thì viên chứng, Địa thứ tám thì thanh tịnh, Địa thứ chín và Địa thứ mười thì đối với vô tướng mà tu quả. Nên biết lãnh thọ được các công đức, cho đến nói rộng như các luận.

Nói bảy Địa, tức là sáu Bồ-tát địa ở trước và một Địa thứ bảy do chủng tánh Bồ-tát và Như Lai hợp chung lập làm Địa:

1. Chủng tánh Địa, tức là chủng tánh trụ.
2. Thắng giải hạnh Địa, tức là thắng giải hạnh trụ.

3. Tịnh thắng ý lạc Địa, tức là cực hỷ trụ.
4. Hành chánh hạnh Địa, tức là tăng cõi trên, cho đến hữu gia hạnh vô tướng trụ.
5. Quyết Định địa, tức là vô gia hạnh vô công dụng vô tướng trụ. Địa này là Bồ-tát bị đọa trong ba quyết định.
6. Quyết định hạnh Địa, tức là vô ngại giải trụ.
7. Đáo cứu cánh Địa, tức là tối thượng thành mãn Bồ-tát và Như Lai trụ.

Đã biết Địa và trụ nhiếp lẫn nhau, Địa nhiếp năm bài tụng căn cứ theo trụ nên biết. Các nghĩa của những điều này, dưới đây đã giải thích rộng, khỏi nhọc nói xen vào.

**Luận:** “Thứ nhất tư lương vị, tướng nó như thế nào?”

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích. Nhưng ba câu hỏi trước, câu thứ nhất hỏi năng nhập nhân, từ đây trở xuống không giải thích, vì đã phân rõ sơ lược, cũng không phải trong bài tụng này. Địa vị chỗ nhập của nó là chỗ nhập pháp dụng, dưới đây giải thích riêng. Nhưng hai chủng này, mỗi chủng đều có năm thứ bất đồng, ý nghĩa thì đã đồng. Mỗi thứ đều hợp chung giải thích, tổng quát làm năm đoạn. Trong năm đoạn này không tạm phân khoa. Trong đoạn thứ nhất này có hai phần, một là hỏi, hai là đáp, đây là hỏi.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “cũng chưa có thể phục diệt”.

Thuật rằng: Đây là đáp. Trước hết nêu tụng, sau đó là giải thích. Dưới đây lần lượt vấn nạn và giải thích, chỗ dễ không cần nói.

**Luận:** “Từ phát khởi sâu chắc”, đến “thuộc tư lương vị”.

Thuật rằng: Đây là giải thích vị thứ nhất, phân tích ngọn nguồn. Trong đó có hai phần:

1. Giải thích văn tụng.
2. Vị này chưa chứng Duy thức Chân như trở xuống, hiển vị tu hành.

Trong đó lại có hai đoạn:

1. Giải thích sơ lược văn tụng.
2. Nói rộng hai thủ và tùy miên, tức là hai chướng.

Trong đoạn thứ nhất lại có hai đoạn:

1. Giải thích hai câu đầu.
2. Giải thích hai câu đối.

Văn đó đến sau sẽ biết. Nhiếp luận ghi: “Thanh tịnh, tăng thượng lực và tâm kiên cố thắng tấn, gọi là Bồ-tát mới tu vô số ba đại kiếp. Đại Bồ-đề tâm lấy thiện căn làm tự thể, lấy đại nguyện làm duyên không

thoái chuyển, để làm sự sách tấn mới có thể phát khởi, cho nên thiện căn lực gọi là thanh Tĩnh lực, là nhân, vì có thể hàng phục chỗ đối trị. Đại nguyện lực gọi là tăng thượng lực, là duyên, vì thường gặp bạn tốt cho nên tâm kiên cố thắng tiến. Tuy gặp bạn ác phương tiện phá hoại, rốt cuộc cũng xả bỏ tâm đại Bồ-đề, chỗ tu pháp thiện vận chuyển tăng trưởng, tâm đại Bồ-đề kiên cố không thoái chuyển, đồng với xứ này gọi là ban đầu của sơ kiếp. Luận này nói thâm, tức là thanh Tĩnh lực và tăng thượng lực. Nói cố tức là tâm kiên cố thắng tấn, thâm cố tức là tâm đại Bồ-đề. Nói Duy thức chân Thắng nghĩa tánh là lựa riêng với ba thứ Thắng nghĩa ở trước không phải Thắng nghĩa của Thắng nghĩa, tức là Chân như. Thức thuận với Quyết trạch vị tác khởi Duy thức quán để cầu trụ Duy thức chân Thắng nghĩa tánh. Vị này chưa có thể phục trừ thức tướng, chưa gọi là cầu trụ Chân tánh Duy thức. Bốn mươi tâm của Địa tiền là vị này. Nhưng các vị kia từ trước đến nay, hoặc là tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn hoặc là mười ngàn kiếp chưa nhập vị này thì chưa gọi là thanh tịnh tăng thượng lực, vì tâm kiên cố chưa được thắng tiến. Đây là đạo vị thứ nhất đã phân tích, giải thích hai câu trên của bài tụng đã xong. Sau đây sẽ giải thích tên gọi.

**Luận:** “Là thú hưởng vô thượng”, đến “thắng tư lương”.

Thuật rằng: Trước hết giải thích tên gọi tư lương, mong Bồ-đề làm hiệu, là sơ vị của nhân Bồ-đề. Lương thực giúp ích cho thân mình mới đạt đến kết quả kia, cho nên gọi là tư lương, đây là y theo tự lợi mà giải thích. Vì muốn ra khỏi sinh tử đặc đại trí, cho nên mong cầu Bồ-đề. Nhưng trong Tăng thượng duyên của Địa thứ bảy sau cùng ở trước, giải thích tư lương vị cũng có vị tri, đương tri căn, nói: “Người hay gần với sự trợ giúp thì phát sinh Địa vị căn bản, người tu hành từ lâu xa thì lân cận là tên”. Đây là nói mới tu hành có nhiều cầu mong quả, cũng không trái nhau.

**Luận:** “Là hữu tình cho nên”, đến “thuận giải thoát phần”.

Thuật rằng: Tiếp theo giải thích tên gọi thuận giải thoát phần. Là hữu tình cho nên cầu giải thoát, mong Niết-bàn làm nhân. Niết-bàn gọi là giải thoát, chỗ đàm luận như thường. Cần cầu đối với các hạnh kia đây không trái nhau cho nên gọi là thuận. Phần là nhân, là chi. Kia thuận theo Quyết Trạch phần mà nói là phần, Quyết trạch là phần, tức là Trạch pháp giác phần, chữ phần có nghĩa là phân ra phần chi nhánh. Vì thuận theo chi phần của Quyết trạch kia, cho nên gọi là thuận quyết trạch phần. Ở đây nói phần, có nghĩa là chi nhánh của nhân, là nhân của giải thoát, là một chi của nhân cho nên gọi là phần, thuận theo thể

là phần. Thuận theo chi phần của giải thoát kia, cho nên gọi là thuận giải thoát phần. Đây là nương vào lợi tha mà làm nhân, vì độ hữu tình mà cầu giải thoát, nhưng cầu Bồ-đề thì nghĩa lợi tha hiển bày, siêng cần hướng đến giải thoát thì nghĩa tự lợi tăng. Nhưng đối với Bồ-đề cũng có bàn về tự lợi, Niết-bàn thì đưa đến nghĩa lợi tha, bởi vì muốn lấy Niết-bàn kia để hiển Bồ-đề này cũng lợi cho hữu tình, lấy Bồ-đề này để hiển Niết-bàn kia cũng có thể tự lợi, vì văn ảnh hưởng nghĩa này thông suốt nghĩa kia.

Hỏi: Tại sao phần của giải thoát phần tức là thuận, phần của Quyết Trạch phần thì thể không phải thuận?

Đáp: Thể của Quyết trạch là Hữu vi, chọn lựa thể tức là phần, vì thể tức là phần. Thể của Niết-bàn là Vô vi, giải thoát thể không phải là phần, vì thể không phải một hay nhiều. Lại nữa, giải thích giải thoát tức là thắng giải tâm sở, duyên vào giải thoát mà giải thoát khổ thì gọi là giải thoát, cảnh ấn tượng trong nhân mà đặt tên, gọi là thắng giải, ở tại quả thoát khổ làm nhân cho nên gọi là giải thoát. Y theo giải thích này thì giải thoát tức là phần, gọi là giải thoát phần. Nghĩa chữ phần không phải là thuận, cùng với Quyết Trạch phần đồng nhau. Nhưng giải thoát kia thì mong tuệ để làm tên, Quyết trạch này thì mong thắng giải để làm hiệu. Giải thích này không có các vấn nạn trước. Từ trên đến tuy nêu ra vị và thể để phân tích, nhưng giải thích vị và hai tên thì không đồng. Tóm lại là giải thích tư lương vị đã xong, dưới đây là giải thích thời gian dần dần ngộ nhập Duy thức, thời gian dần dần của vị thứ nhất. Giải thích hai câu dưới của tụng.

**Luận:** “Vị này thì Bồ-tát”, đến “tu Bồ-tát hạnh”.

Thuật rằng: Ở đây nêu ra bốn lực, Nhiếp luận quyển 6 ghi: “Ai có thể ngộ nhập trong đó? Đại thừa nhiều văn huân tập tương tục”. Đây là nhân lực, lựa riêng với Nhị thừa chủng tánh nhiều văn, tức là chỗ nói bản tánh trụ chủng tánh và tập sở thành chủng tánh ở trước. Luận kia ghi: “Đã được gặp sự thì vô lượng chư Phật xuất hiện nơi đời”, tức là thiện hữu lực. Luận kia ghi: “Đã đắc quyết định thắng giải từ xưa đến nay”. Không phải bị các bạn ác làm dao động và phá hoại thì gọi là tác ý lực. Luận kia ghi: “Vì đã khéo tích tập các thiện căn”. Khéo tu phước trí tư lương Bồ-tát, gọi là tư lương lực. Từ chỗ nói ba nhân của Vô gián ở trước, đã khéo tích tập các thiện căn, Thế Thân nói: “Lực thứ nhất là nhân, lực thứ hai là duyên, lực thứ ba là năng tu chánh hạnh, lực thứ tư là do tích tập thiện căn gọi là tư lương Bồ-tát”. Như vậy gọi là do tác ý lực, khéo tu hai thứ phước và trí tư lương, có thể nhập Địa thì gọi là y



trì lực. Bốn lực này mong Nhị thừa tánh, bạn ác duyên và tâm mặc tình, tư lương dưới đây đều là thù thắng cho nên gọi là bốn thắng lực. Vị này nương vào bốn lực này, đối với Duy thức có tin hiểu sâu, nhưng chưa có thể hiểu rõ hai thủ đều là Không, tất cả đều trụ theo sự tướng, tán tâm hành các thô hạnh, gọi là trụ ngoại môn tu Bồ-tát hạnh.

Hỏi: Bài tụng phẩm trụ của kinh Hoa Nghiêm ghi: “Sinh thứ tư là chân quý Phật tử, từ chánh pháp của chư hiền thánh sinh, không có nhiệm trước các pháp hữu vô, xả bỏ sinh tử ra khỏi ba cõi”. Cũng kinh này quyển 10 lại giải thích thập trụ sơ tâm Bồ-tát, các trụ còn lại cũng như thế. Tụng ghi: “Diệu pháp thân thanh tịnh, ứng hiện các thứ hình, cũng như đại huyễn sư, chỗ thích đều hiện rõ. Hoặc có nơi làm Bồ-tát hạnh cứu cánh của chúng sinh, hoặc lại hiện thân mới sinh, hạnh xuất gia học đạo, hoặc dưới gốc cây thọ vương, tự nhiên thành Chánh giác, hoặc có nơi làm chúng sinh, thị hiện nhập Nê-hoàn”. Tại sao văn này nói phần nhiều là trụ ngoại môn tu Bồ-tát hạnh?

Đáp: Đây là trụ thứ tư Bồ-tát, tác khởi mười thứ quán pháp. Quán thứ bảy là quán nghiệp, thứ tám là quán quả, hàng phục các triền phược hiện tại. Không nương vào chỗ có vô minh của kiến đạo, càng tạo ác nghiệp khiến cho quả đời sau đầy khởi, gọi là xả bỏ sinh tử ra khỏi ba cõi, quyết định sẽ có thể ra khỏi, nhưng không phải lúc đã ra khỏi, đây là nương vào ngoại môn để tu Bồ-tát hạnh cũng không trái nghịch. Lại nữa, Thập trụ Bồ-tát này, cũng có phần ít nương vào Hữu lậu, quyết định có thể hiện ra tám tướng độ thoát hữu tình. Lấy Thập trụ trong Sơ Phát tâm Trụ, phân ra đấng mười lực tu học mười pháp. Pháp thứ mười là vì chúng sinh khổ mà làm chỗ quy y. Từ trụ này trở đi, các hàng Bồ-tát kia lần lượt tăng thắng có thể hành tám tướng, nhưng phần nhiều là khởi tánh hạnh, phần ít thì có thể nhập định khởi quán Chân như, gọi là Đa trụ ngoại môn, cũng không trái nghịch.

**Luận:** “Cho nên đối với hai thủ”, đến “hai thủ hiện hành”.

Thuật rằng: Do sự này cho nên hai thủ hiện hành làm năng huân tập chỗ dẫn tùy miên, cũng chưa có thể phục diệt lực của hai thứ tùy miên này, để khiến cho vị kia không khởi hiện hành hai thủ.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm quyển 10 trong giải thích Thập trụ Bồ-tát ghi: “Trừ diệt các phiền não, vĩnh viễn không còn sót, vô ngại tịch diệt quán, là Chánh pháp của Phật”. Tại sao kinh này nói chưa hàng phục hai thủ?

Đáp: Đó là y theo chỗ khởi bất cộng vô minh làm bạn với phiền não của nhân tà giáo và tà sư mà nói dứt hết, không phải dứt hết tất cả

tự phân biệt sinh phiền não và câu sinh phiền não. Lại nữa, nói công lực của Phật pháp có thể diệt tất cả phiền não, thập trụ vị đã có thể diệt tất cả phiền não. Dưới đây văn của luận này rằng tư lương đạo, đối với phiền não hai thủ tuy dần dần phục diệt, nhưng chưa hoàn toàn phục diệt hết. Kinh Duyên Khởi ghi: “Nội pháp dị sinh bất phóng dật, Ta không nói là vô minh duyên hành”. Nhân theo tự phân biệt bất cộng và tương ứng vô minh kiến đạo mà vị này có thể chế phục được. Luận này nói không chế phục được, là nói chỗ khởi của nhân tà giáo và toàn phần của các câu sinh mà làm luận. Lại nữa, chỉ nói tổng quát, phần nhiều có thể gọi là đã chế phục, phần ít là chưa. Văn của luận dưới đây ghi: “Gia hạnh vị mới chế phục hai thủ của phân biệt, vì nhân tà giáo nơi tư lương vị cũng có dấy khởi”. Luận Du-già ghi: “Thắng giải hạnh Bồ-tát đối với ba chỗ quên mất cũng có khởi phiền não, hoặc có khi xả bỏ giới luật, chỗ thuyết pháp như trong tối bản cung, hoặc trúng hoặc không trúng”, cho nên tự phân biệt trong vị này phiền não chưa hết, tiếp theo chánh giải thích hai câu dưới của tụng.

**Luận:** “Hai chữ thủ này”, đến “tánh của sở thủ”.

Thuật rằng: Luận nói hai chữ thủ là để hiển thủ của hai thủ, không phải là tên của hai thủ. Nhưng chỉ có hai thủ gọi là hai thủ, có phi chấp hai thủ chủng, lẽ nào cũng chế phục hay sao? Lại nữa, các Tướng phần không phải có thể chế phục được, cho nên chấp thủ của hai thủ là thật có, mới gọi là hai thủ.

**Luận:** “Tập khí của hai thủ”, đến “phiền não chướng chủng”.

Thuật rằng: chủng của hai tình thủ gọi là hai thủ. Tùy miên là nghĩa gì? Tùy theo hữu tình trong sinh tử, núp ngủ trong tàng thức không hiện ở chỗ khác, cho nên gọi là tùy miên. Hoặc tùy theo tăng thêm lỗi, cho nên gọi là tùy miên. Hoặc tùy theo hữu tình tăng thêm nhiều lỗi cho nên gọi là tùy miên.

Hỏi: Tại sao miên có nghĩa là tăng thêm?

Đáp: Như người thềm thuồng thì nước dãi trong miệng chảy ra (miên miên) nhiều lên, do đó tội lỗi tăng thêm, là nghĩa tùy miên. Nghĩa trước là tánh làm rõ danh, nghĩa sau thì theo ví dụ làm nhân, khác với Tát-bà-đa. Như Biệt sao thì tức là chủng tử của hai chướng.

**Luận:** “Phiền não chướng”, đến “các tùy phiền não”.

Thuật rằng: Trên giải thích bài tụng này đã xong, dưới đây là giải thích thứ hai. Trong hai chướng có năm đoạn:

1. Nêu thể giải thích tên gọi.
2. Phân biệt kiến và tu.

3. Phỏng theo người mà phân biệt.
4. Phỏng theo Hữu lậu Đạo, Vô lậu đạo, phục và đoạn mà phân biệt.
5. Tổng kết trở về văn tụng.

Thứ nhất giải thích thể, sau đó giải thích tên gọi trong phiên não chương. Lấy Tát-ca-da kiến làm đầu, từ ngã kiến làm gốc sinh ra các phiên não. Hoặc ngã kiến không có phiên não tùy đoạn thì nghĩa của Kiến đoạn và Tu đoạn cũng như thế. Hoặc là tuy trừ trước hoặc của sở sinh, ngã kiến chưa diệt cứu cánh tận vị, là do ngã Kiến đoạn thì các pháp khác mới đoạn hết. Đây là y theo chín phẩm tuy có đoạn riêng, nhưng khi đoạn tám phẩm thì không đoạn ngã kiến, đó là lấy phiên não đoạn trước mà nói, vì ngã kiến không có số phẩm, phải hoàn toàn lìa dục mới đoạn. Lại nữa, đã giải thích là sở sinh hoặc có nhiều phẩm số, kiến có thể sinh định, nhưng cũng có chín phẩm, tức là tùy theo lìa chín phẩm dục, mà ngã kiến dần dần đoạn. Khi căn bản đoạn thì các pháp khác cũng tùy theo đoạn. Trong đây không nói ngã kiến mà nói Tát-ca-da kiến, hoặc nói ngã kiến không nhiếp ngã sở. Tiếng Phạm Một-lợi-đạt-duê-sắc-trí, ở đây gọi là ngã kiến. Tiếng Phạm Tát-ca-da, ở đây gọi là bất thật di chuyển thân kiến, tức là nhiếp ngã sở, vì hiển trong đây nhiếp ngã sở cho nên nói Tát-ca-da. Trong một trăm hai mươi tám căn bản phiên não thì chỗ đoạn cõi Dục của kiến đạo là bốn mươi, các giới trên mỗi giới là ba mươi sáu và gồm luôn Tu đạo mười sáu, tổng cộng một trăm hai mươi tám thứ. Cùng với các tùy phiên não Đăng lưu của nó là hai mươi thứ, hoặc nhiều hơn nữa như chỗ dẫn Nhiếp sự phần ở trước đã nói, đây là nêu ra tự thể tánh. Hoặc quyển thuộc và năm uẩn của tâm tâm sở làm tánh, Thập Địa quyển 7 ghi: “Nếu chỗ Phát nghiệp và chỗ đắc quả này đều nhiếp trong đó thì đều lấy phiên não làm căn bản”. Luận đó thông với quyển thuộc xa, đều mượn gọi là chương. Luận này căn cứ theo tự tánh chương, tức là không lấy nghiệp và quả. Nếu không như thế thì chỗ phát của vô minh chiêu cảm ba nghiệp thiện, và quả đáng lẽ là nhiễm tánh, đáng lẽ là chương thể. Đã không như thế cho nên văn của luận này là thù thắng. Trong Sở tri chương có năm phần:

1. Nêu thể tánh.
2. Giải thích tên gọi.
3. Phân biệt tám thức, nhân đó phá hai chấp.
4. Phân biệt ba tánh, cũng ngăn trách kế chấp bên ngoài.
5. Giải thích người ngoài vấn nạn.

**Luận:** “Sở tri chương”, đến “ái khuể mạn”.

Thuật rằng: Một là nêu thể tánh, cũng lấy pháp ngã chấp và ngã sở chấp làm đầu sinh ra các pháp khác. Như quyển thứ nhất trước giải thích. Kiến, nghi, vô minh, ái, khuể và mạn là nêu ra thể tánh. Ở đây tâm sở đầu tiên cũng cùng với phiền não chướng đồng nhau, hoặc phiền não chướng đều chắc chắn có Sở tri chướng. Nhưng phiền não thì thô và có nhiều phẩm loại, cho nên dễ biết rõ. Chỗ đoạn của Nhị thừa chỉ là tánh hữu Phú Bất thiện cho nên lấy tâm sở để hiển tóm quát. Sở tri chướng của luận này thì vi tế và không có nhiều phẩm loại, rất khó hiểu rõ, chỉ có Bồ-tát đoạn trừ, cũng là chỗ nhiếp của Dị thực Vô ký, cho nên không hiển tâm sở. Thật ra pháp chấp không có lìa vô minh cho nên chắc chắn là có tâm sở. Lại nữa, để hiển vô minh của pháp chấp, trong năm Trụ địa chỉ có một trụ nhiếp, chướng trước thì bốn Trụ địa nhiếp, cho nên không hiển tâm sở. Nếu như thế tại sao không nói các tùy phiền não? Đã nói đẳng tử tùy hoặc của mạn... luận Phật Địa cũng đồng, đây là nêu ra tự thể tánh. Hoặc quyển thuộc, Phật Địa ghi: “Các tâm, tâm sở, sở phát nghiệp và sở đắc quả đều nhiếp trong đó, vì đều lấy vô minh pháp chấp làm căn bản”. Quả trong đây là quả Đăng lưu, quả tăng thượng và quả Sĩ dụng, trừ quả Dị thực vì không chiêu cảm kế chấp. Thế nào gọi là Sở tri chướng?

**Luận:** “Che lấp cảnh Sở tri”, đến “gọi là Sở tri chướng”.

Thuật rằng: Hai là giải thích tên gọi. Sở tri cảnh là Hữu vi và Vô vi, không có tánh điên đảo. Do che lấp cảnh này khiến cho trí không sinh, có thể chướng Bồ-đề cho nên gọi là Sở tri chướng. Đây là giải thích tên gọi, do mong cảnh Sở tri mà được tên, dưới đây trong chuyển y sẽ tự giải thích. Phiền não của phiền não chướng trước tức là chướng, Sở tri chướng này thì Sở tri chướng. Chướng trước thì lấy thể làm rõ tên gọi - Trì nghiệp thích, chướng sau cũng gọi là Sở chướng thọ - Y sĩ thích.

**Luận:** “Sở tri chướng này”, đến “vì nó vi tế yếu kém”.

Thuật rằng: Ba là phân biệt tám thức, nhân đó mà phá chấp bên ngoài. Thức thứ tám gọi là Dị thực thức. Lấy pháp gì làm không đồng thời? Dị thực thức đó vi tế yếu kém, pháp chấp này mong chướng thô kia mới được mạnh. Chướng này là năng huân cho nên không phải chướng kia. Các sư An Tuệ chấp tâm của ba tánh đều là chấp hữu pháp, thức này chỉ có Dị thực, cho nên trong tánh Dị thực mà phá.

**Luận:** “Vì không cùng với tuệ của vô minh tương ứng”.

Thuật rằng: Các luận chỉ nói Thức thứ tám này chỉ có năm tâm sở đồng thời, pháp chấp thì tuệ và vô minh đồng thời. Tuệ có thể tính toán độ lượng, vô minh thì mê. Luận Phật Địa ghi: “Có nghĩa pháp chấp và

vô minh, khắp ba tánh”. Tâm Hữu lậu phẩm và tâm Vô lậu phẩm của Nhị thừa đều không liễu đạt pháp Vô ngã, vì đều là tợ Tướng phần và tợ Kiến phần dấy khởi, như quyển trước đã nói. Trong chương này thì không có. Nhưng sư Hộ Pháp thì ẩn sự ngăn trách kế chấp kia. Nếu nói pháp chấp thì dựa vào pháp gì mà tuệ đồng thời?

**Luận:** “Pháp không trí phẩm đồng thời khởi”.

Thuật rằng: Bồ-tát pháp không trí phẩm, thừa nhận cùng với Thức thứ tám này đồng thời khởi. Thức thứ bảy thì có pháp chấp, pháp không trí phát khởi thì liền không hiện hành. Hữu pháp chấp của Thức thứ tám, khi pháp không trí phát khởi thì thức này đáng lẽ phải diệt? Đã có tám thức hiện hành cùng với Thức thứ tám đồng thời khởi, cho nên quyết định biết Thức thứ tám không có pháp chấp đồng thời khởi. Lượng rằng: “Thức thứ tám quyết định không phải pháp chấp phẩm, vì pháp không quán phẩm cùng đồng thời khởi, như Thức thứ tám của Phật. Nếu nói pháp không quán khởi trong nhân thì Thức thứ tám thừa nhận là đoạn, tức là pháp Vô lậu không có sở huân thì lấy gì để thành Phật! Không thể nói huân vào đại viên cảnh trí đồng thời với thức, vì không phải Vô ký, cũng như chưa đắc! Dị thực thứ tám thức đã như thế, các Dị thực thức khác cũng như thế”. Nhưng Thức thứ bảy ở đây tổng hợp làm pháp, lại nữa dưới đây Dị thực tâm thừa nhận là pháp chấp, không thể đặt ví dụ. Đối với luận Phật Địa thì luận này thù thắng hơn.

**Luận:** “Trong bảy Chuyển thức”, đến “như nói phiền não”.

Thuật rằng: Vì không lìa phiền não mà riêng khởi chấp, cho nên tâm sở và phiền não của nó đồng nhau. Trong Thức thứ bảy thì căn bản phiền não có bốn pháp, tùy hoặc có tám pháp và biệt cảnh tuệ có mười ba pháp, Thức thứ sáu thì có tất cả. Năm thức thì căn bản có ba, tùy hoặc có mười và cùng với mười ba pháp đó đồng thời khởi. Tại sao năm thức không có kiến và nghi.

**Luận:** “Nhãn... năm thức”, đến “đều được dẫn khởi”.

Thuật rằng: Vì không có kế độ phân biệt, cho nên pháp kiến và nghi quyết định không tương ưng. Chữ “đẳng” có ý là đồng lấy các hoặc trong tùy phiền não, vì nó cùng với năm thức này không đồng thời khởi, tức là mười pháp phần... toàn phần và mười pháp ít phần còn lại. Chỗ sinh của kế độ phân biệt thì năm thức đều không có, không phải không có các hoặc của kiến đạo sở đoạn, gọi là vô phân biệt. Ngay trong kiến đạo không có duyên tà hữu và tà sư, vì tự phân biệt các hoặc. Nhưng thật ra không phải không có Ý thức dẫn khởi các Hoặc của kiến đạo, gọi là vô phân biệt. Luận Đối Pháp ghi: “vô phân biệt khởi là kiến đạo

đoạn”, là đã thừa nhận hoặc trong năm thức thông với kiến đạo đoạn, là hoặc của hữu phân biệt. Nhưng nó không phải tự lực sinh, vì làm chỗ dẫn sinh của Ý thức, cho nên luận ghi: “Ngoài ra do lực của Ý thức đều được dẫn khởi”. Chữ “ngoài ra” là chỉ cho kiến và nghi còn lại. Luận Phật Địa ghi: “Năm thức tuy không có kiến... nhưng do Ý thức dẫn mà có chỗ nhiếp của phi kiến, ái khuể... khởi là chỗ nhiếp của hai chướng. Ở đây có ý nói, thêm tự lực phân biệt hoặc còn lại của nó để ngăn trách kế chấp bên ngoài, hoặc trong năm thức chỉ có Tu đạo mới đoạn.

**Luận:** “Chướng này chỉ cùng với”, đến “tánh Vô ký”.

Thuật rằng: Bốn là phân biệt ba tánh ngăn trách ngoại kế môn. Luận Du-già quyển 59 ghi: “Phiền não của cõi Dục một phần là Bất thiện, cùng với hai giới còn lại là Vô ký”, tức là vô minh chỉ thông với Bất thiện và Vô ký, không nói thông với thiện. Tại sao nói trong tâm thiện có pháp chấp? Vì pháp chấp thì chắc chắn có vô minh đồng thời. Luận Đối Pháp quyển 4 cũng ghi: “Phiền não của cõi Dục có thể phát sinh ác hạnh”, còn lại là Hữu phú. Tại sao lại nói vô minh thông với thiện? Hoặc luận họ chống chế rằng, sinh tử Hữu lậu đều là Bất thiện nhiếp, cho nên chắc chắn có vô minh.

**Luận:** “Vì si và vô si không tương ứng”.

Thuật rằng: Nếu như thế thì tâm thiện đã có vô si. Đây là chấp có si, vì si và vô si không tương ứng. Tại sao có thể nói thiện với Bất thiện, si với vô si quyết định không tương ứng? Vì là pháp tương vi, như tham và vô tham, không thể nói hai thứ tâm chấp này không có vô minh đồng thời. Như tâm chấp và vô minh đồng thời của người, là người kia lại có chấp trong Thức thứ bảy, chỉ có ngã chấp mà không có pháp chấp. Như quyển 5 trước đã giải thích. Kinh Anh lạc ghi: “Tâm thiện mà có thiện là nghĩa của ngoại đạo”. Đây là ngăn trách ý nghĩa trên, nhân đó giải thích rộng hẹp của hai chướng.

**Luận:** “Trong phiền não chướng”, đến “làm sở y”.

Thuật rằng: Chắc chắn là có chấp này trong phiền não chướng, vì thể của pháp chấp rộng, phiền não chướng thì hẹp. Luận kia quyết định dùng chấp này làm sở y.

Hỏi: Tại sao dùng chấp này làm sở y?

Đáp: Thông với sở duyên thô tế của phiền não thì chắc chắn là pháp chấp này. Phiền não kia chỉ là thô, khi có pháp chấp thì chắc chắn không có phiền não kia. Kinh Thắng Man ghi: “Thế Tôn đối với pháp chấp này khởi phiền não từng sát-na tâm tương ứng, cho đến nếu lại vượt qua hàng sa số pháp chỗ nên đoạn của Như Lai Bồ-đề trí. Tất cả

đều là chỗ trì và chỗ kiến lập của Vô minh trụ địa, như các chủng tử đều y theo Địa này mà sinh kiến lập tăng trưởng. Nếu Địa hoại thì các pháp kia cũng tùy theo hoại, nếu Vô minh trụ địa đoạn thì các pháp chỗ nên đoạn cũng tùy theo mà đoạn”. Kinh Anh Lạc quyển hạ nói cũng đồng với kinh này.

Do đây hỏi rằng: Nếu có phiền não chướng thì đều có Sở tri chướng hay sao?

Nên thuận theo câu trước mà đáp: Nếu phiền não chướng thì quyết định có Sở tri chướng. Nếu như thế thì chắc chắn đồng thời, đáng lẽ thể của hai chướng mỗi mỗi đều riêng khác, thể hai chướng của Thức thứ bảy thì đồng thời, vì là hai chấp, như dụng của hai chấp.

**Luận:** “Thể tuy không khác, nhưng dụng thì có khác”.

Thuật rằng: Thể không trái nhau thì có thể chỉ có một thể. Nghĩa của dụng là phần, cho nên có thể nói là có khác. Đồng một chủng sinh ra dụng phần thì thành hai, như một thức nắm lấy cảnh thì dụng nhiều.

**Luận:** “Cho nên hai tùy miên”, đến “đoạn hoặc trước hoặc sau”.

Thuật rằng: Hai chướng trong đây tùy theo ba Thừa Thánh đạo mà hơn và kém. Đoạn hoặc là trước hoặc là sau, hoặc mong hành tướng tương đối của hai chướng, tức là thô phiền não chướng và tế Sở tri chướng. Hoặc mong Thánh đạo đoạn, tức là bất định. Hoặc có loại trước hết đoạn phiền não chướng không đoạn Sở tri chướng, như Nhị thừa cầu Niết-bàn. Hoặc có loại trước hết đoạn Sở tri chướng không phiền não chướng, như Thập Địa Bồ-tát trụ Sơ địa và xuất Sơ địa. Đây là y theo chủng tử mà nói, không y theo sự thô trọng, vì hướng đến Tất cả trí. Hoặc có loại cũng đoạn cả hai phiền não chướng và Sở tri chướng, gọi là nhập Sơ địa Kim cương tâm Bồ-tát. Đây là y theo chủng tử mà nói, nếu y theo thô trọng thì Thập Địa đều đã đắc. Vì đắc hai quả, cho nên cần phải song đoạn cả hai. Câu phi gọi là các pháp dị sinh, vì không đoạn hai chướng thô trọng và chủng tử. Trên là do không nhất định là trước hay là sau cho nên nói “hoặc là”. Chủng tử tùy theo thể nhất và thể dị của hiện hành. Tự loại và chín Địa trong phiền não chướng có thể có thô và tế, trước hết đoạn thô, sau đó đoạn tế. Sở tri chướng của nó không thể y theo Địa mà lập phẩm số, chỉ y theo sở chướng mà phân rõ thô tế của năng chướng. Có Tu đạo đoạn của Sơ địa là Sở tri chướng của Hữu đẳng, nhưng dụng thì chưa hết. Địa thứ hai cũng lại như vậy, không thể y theo Địa mà lập phẩm loại. Chỉ do Thánh đạo cho nên lại nói “hoặc là”.

Hỏi: Những thứ này đã là Vô ký, pháp nào là Vô ký nhiếp?

**Luận:** “Pháp này đối với Vô phú”, đến “chương Đại Bồ-đề”.

Thuật rằng: Còn lại thế lực của ba pháp Vô ký mỏng yếu không thể che lấp Sở tri, không chương Bồ-đề. Nếu thế lực của Di thực sinh dày mạnh, làm chỗ khởi chung cho Ý thức sinh kế độ phân biệt, có thể che lấp Sở tri, chương Bồ-đề. Từ Di thực mà khởi thì gọi là Di thực sinh, không phải là nghiệp quả. Tuy cùng với Bất thiện và Hữu phú đồng thời, nhưng không chương Nhị thừa, chỉ gọi là Vô phú.

**Luận:** “Pháp này gọi là Vô phú”, đến “cũng là Hữu phú”.

Thuật rằng: Vì không che lấp chuyển y của Nhị thừa, vì Nhị thừa vô học có thể hiện hành, không phải nói Vô học của Nhị thừa nhiệm hiện hành cho nên gọi là Vô phú, hoặc mong Bồ-tát thì cũng là Hữu phú, vì che lấp cảnh Sở tri, chương Bồ-đề. Cũng là Nhị thừa kia nhiếp chung với Vô phú, cho nên đối với Bồ-tát mà có chữ “cũng”. Nhưng trong pháp kế chấp của luận Phật Địa ghi: “Có chấp thì không thể dẫn khởi Không trí kia, Di thực tâm thì không phải là sở huân, năng biến kế thì chỉ có Ý thức”. Như quyển trước trong Biến kế đã giải thích, trong luận này không nói. Luận Phật Địa ghi: “Sư trước vấn nạn rằng: Nếu thiện và Vô phú không có pháp chấp thì tại sao không thể liễu đạt pháp không? sư sau hỏi vấn: Cũng không có ngã chấp thì tại sao không thể liễu đạt sinh Không?” sư kia nói nhân chấp (chấp người) đồng thời của Thức thứ bảy, sư này nói ngã cũng như thế, vì pháp chấp đồng thời của Thức thứ bảy. Hai câu vấn nạn đã đồng nhau. Nhưng sư trước không thừa nhận trong Thức thứ bảy có pháp chấp thì không đúng, vì trái với tự tỷ lượng. Hai câu vấn nạn pháp không và Ngã không đã có Tướng phần và Kiến phần, tại sao không phải là chấp? Như quyển trước đã giải thích. Đây là tổng kết ba tánh của phần thứ tư, pháp kế chấp phân biệt đã xong. Từ đây xuống là phần thứ năm, giải thích các điều trái nhau.

**Luận:** “Hoặc Sở tri chương”, đến “Vô minh trụ địa”.

Thuật rằng: Năm là người ngoài vấn nạn.

Hỏi: Kinh nói chỗ nào?

Đáp: Là kinh Thắng Man nói, không y theo kinh Anh Lạc, vì không phải cực thành, là phần đoạn sinh tử. Nói Ngã sinh của A-la-hán đã tận, đặc quả hữu dư, chứng danh phạm hạnh đã lập, phàm phu trời người và bảy thứ học nhân không thể phân rõ danh, sở tác thì đã phân rõ. Chỗ đoạn phiền não thì lại không thọ hậu hữu, gọi là bất thọ hậu hữu, không phải dứt hết tất cả phiền não, tất cả thọ sinh nói là bất thọ hậu hữu, vì có Vô minh trụ địa và sinh tử biến dịch. Phiền não có hai, là Trụ địa phiền não và khởi phiền não. Trụ địa phiền não có bốn thứ:



1. Kiến nhất xứ Trụ địa.
2. Sắc ái Trụ địa.
3. Hữu ái Trụ địa.
4. Khởi vô thí Vô minh trụ địa.

Các Trụ địa này là sở y của tất cả phiền não trên. Hoặc chủng tử của phiền não, so với Vô minh trụ địa thì tính toán ví dụ không thể bì kịp.

Hỏi: Trong Năm Trụ địa thì lực của Vô minh trụ địa rất lớn, hằng sa số phiền não trên nương tựa, cũng khiến cho bốn thứ phiền não trụ lâu dài, trí của Nhị thừa không thể đoạn, chỉ có Như Lai trí mới có thể đoạn, tức là chủng tử của vô minh cũng nói là chủng loại, tức là chủng loại của năm môn lấy làm chủng loại của vô minh, tức là thông với kiến... Tại sao kinh đó chỉ nói vô minh làm Sở tri chướng?

**Luận:** “Vì vô minh tăng”, đến “không phải không có kiến...”.

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp. Trụ địa vô minh này tăng, cho nên tổng lập vô minh, không phải không có kiến... và các phiền não còn lại.

Hỏi: Tại sao gọi là tăng?

Đáp:

1. Thế tăng, tuy các phiền não còn lại có câu và bất câu, nhưng vô minh đều có làm chướng này. Như Nhị thừa vô học, không phải chắc chắn có các phiền não còn lại đồng thời.

2. Dụng tăng, là mê tất cả cảnh, chướng tất cả trí, khiến cho đắc Phật quả, không phải như phiền não.

3. Nan đoạn tăng, phải thượng thượng đạo mới có thể đoạn, cho nên gọi là tăng.

**Luận:** “Như chủng tử của phiền não”, đến “mạn và vô minh”.

Thuật rằng: Đây là đem ví dụ để giải thích. Như chủng tử của phiền não thì kiến đạo và Tu đạo đều có, nhưng phân biệt khởi thì lập tên kiến nhất xứ, lẽ nào trong phân biệt lại không có tham! Trong Tu đạo chỉ nói đối với ái, lẽ nào không có sân! Nhưng trong phân biệt khởi thứ nhất chỉ có kiến, trong Tu đạo sau thì chỉ nói ái. Đã kiến sở đoạn thì kiến lực thiên một bên mà tăng, đứng đầu trong phân biệt. Tu sở đoạn thì ái lực thiên một bên mà tăng, vì là nhuận sinh hoặc, vì pháp chấp Trụ địa vô minh lực tăng, nhưng chỉ nói vô minh, không phải là không có các pháp khác. Trong năm trụ này:

1. Trụ thứ nhất chỉ có kiến đạo là chỗ đoạn phiền não chướng.
2. Ba trụ kế tiếp Tu đạo là chỗ đoạn phiền não chướng.

3. Một trụ sau cùng kiến đạo và Tu đạo là chỗ đoạn Sở tri chướng.

Trong phần thứ nhất thì mê đế lý là thù thắng, chữ nhất xứ là nói đoạn một chỗ. Trong phần thứ hai là ba hữu phẩm, mê sự và lý hoặc. Đó là phỏng theo giới mà luận. Trong phần thứ ba thì chướng trí gọi chung là vô minh, vì không có phẩm số, không có riêng mê hành tướng của đế. Địa là y chỉ, chủng tử và hiện hành làm chỗ y chỉ, gọi đó là Địa. Đây là phỏng theo tâm sở và chủng tử đoạn, gọi đó là Địa. Các phẩm môn phân biệt năm Trụ địa riêng khác nên biết. Tổng kết là phần thứ nhất nêu thể của hai chướng, giải thích hai chướng đã xong. Cổ nhân nói: “Năm Trụ địa náy như bốn lưu thể và ba cõi phiền não, tất cả vô minh gọi là vô minh”. Không phải như vậy. Văn ở đây là chính.

**Luận:** “Hai chướng như vậy”, đến “tu sở đoạn nhiếp”.

Thuật rằng: Trong thuyết minh hai chướng, phần thứ hai là phân biệt kiến đạo và Tu đạo, câu sinh phân biệt đã thông với sáu thức, phân biệt khởi là kiến đạo sở đoạn, vì thô cho nên dễ đoạn. Câu sinh khởi của sáu thức là tu sở đoạn, vì vi tế khó đoạn. Trước nói năm thức tùy theo Ý thức dẫn sinh, tức là làm thành hoặc của phân biệt và câu sinh, như nói phiền não chướng trong năm thức, không có lỗi trái lý, tức là trong Sơ địa đoạn hoặc hai chướng của năm thức đều được.

**Luận:** “Nhị thừa chỉ có thể”, đến “Bồ-tát đều đoạn”.

Thuật rằng: Phần thứ ba là phỏng theo sự phân biệt của con người. Nhị thừa chỉ có thể đoạn phiền não chướng, vì hai quả khác nhau, do tác ý cho nên đoạn có trước và sau. Trong chỗ đoạn sau, định chướng Nhị thừa cũng đoạn, vì nhỏ cho nên không nói. Phần thứ tư là phân biệt Hữu lậu đạo, Vô lậu đạo, phục và đoạn.

**Luận:** “Vĩnh viễn đoạn hai chướng”, đến “thông với Hữu lậu đạo”.

Thuật rằng: Khi hàng phục phiền não thì câu sinh pháp chấp này cũng không khởi cho nên gọi là phục pháp chấp, không phải riêng khởi phục đạo. Hoặc gia hạnh trí hàng phục trước kiến đạo. Các luận hoặc là nói các đạo của Hữu lậu không thể đoạn chủng tử, vì hữu tướng trói buộc và thô trọng trói buộc, vì không chứng lý, vì Vô lậu không phải như vậy. Từ đây trở xuống là phần thứ năm tổng kết quy về bài tụng này.

**Luận:** “Bồ-tát trụ pháp này”, đến “chưa có thể phục diệt”.

Thuật rằng: Hai hiện hành thô tuy có phục, tức là hàng phục phần nhiều thô hoặc của phân biệt. Nhân theo Tà giáo mà tư duy thì đều là

phục, tự tư duy thì chưa diệt tận, bốn thiện căn sau đây mới diệt tận. Nhưng tế phân biệt và chỗ có tùy miên trong hai chương hoặc thô hoặc tế, tuy có thể đối trị được, nhưng lực của chỉ và quán thì nhỏ yếu chưa thể phục diệt được. Ban đầu là khởi chỉ và quán, chưa có tâm thẳng thuận, không bằng trong bốn thiện căn, có thể phục trừ hai thứ vi tế của hiện hành và chủng tử. Câu sinh hiện hành và câu sinh chủng tử đó đều là ít, cũng có thể hàng phục được. Tiếp theo là gia hạnh vị, cùng với quyển 10 đều có văn này. Chữ phục trong đây không phải là sáu hạnh, mà do sức tu tập chế phục không khởi, khiến cho nó không tự tại, đó là nghĩa của chữ phục trong đây, dưới đây căn cứ theo đó mà biết. Bồ-tát không đoạn các hoặc của giới và Địa cội dưới để khởi định sinh cội trên. Lại nữa, phỏng theo pháp dụng phân biệt đoạn của Thập Địa, dưới đây tự có văn, không cần nói xen vào ở đây. Như luận Trung Biên quyển thượng nói hai chương này là các chương nhiếp lẫn nhau.

**Luận:** “Vị này chưa chứng”, đến “giải hạnh Địa nhiếp”.

Thuật rằng: Trên giải thích tụng đã xong, từ đây xuống là phần thứ hai phân rõ vị và tu hành. Đây là phân rõ vị, sau là thuyết minh tu hành. Luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Năm đạo làm bốn thứ là thẳng giải hạnh Địa, kiến, tu và Vô học Địa”. Luận này thì lấy vị này làm Địa kia. Trong bốn Địa là Địa nào? Trong mười ba trụ là trụ nào? Vị này y theo thẳng giải mà tu hành, cũng là thẳng hạnh Địa nhiếp, luận nói “cũng” là cũng thuận Quyết Trạch phân, Địa kia là giải hạnh Địa, vị bày cũng là giải hạnh Địa, cho nên trong luận có chữ “cũng”. Thẳng giải tức là nghĩa quyết định. Tán tâm thì quyết định ý giải tư duy chưa có thể chứng giải, cũng nói đến sau sẽ biết.

**Luận:** “Chỗ tu thẳng hạnh, tướng nó thế nào?”

Thuật rằng: Dưới đây phân rõ tu hành. Thứ nhất là hỏi, thứ hai là đáp. Tuy nói thẳng hạnh, nhưng hạnh nào làm thẳng hạnh?

**Luận:** “Lược có hai thứ”, đến “ngoài ra gọi là phước”.

Thuật rằng: Dưới đây là đáp. Thẳng hạnh có hai thứ:

1. Hiện nhị chủng hạnh.
2. Minh đức hạnh.

Trong phân rõ nhị hạnh, thứ nhất phân rõ phước hạnh và trí hạnh, thứ hai phân rõ nhị chủng lợi hạnh. Tuệ làm thế gọi là trí, không phải tuệ làm thế gọi là phước. Đây là ngay nơi tánh mà nêu ra thế, tức là mười lực và tất cả trí là trí, trong những pháp còn lại, có cái là phước. Quyển 57 trong hai mươi căn tuy cùng với các văn đó không đồng, còn mười lực thì tuệ căn và cụ tri căn nhiếp, chỉ là trí. Tứ vô sở úy thì năm

căn và cụ tri căn nhiếp, thông với phước, trí, các tướng và các tùy hảo tướng. Thiết căn và bốn căn y xứ gọi là thân căn, nam căn, nhãn căn và thiết căn y xứ, hợp chung chỗ nhiếp của bốn căn, chỉ là phước. Ba bất hộ như vô úy, ba niệm trụ là phi căn nhiếp, vì không có chỗ nhiếp của tham sân, tức là chỉ có phước. Đại bi không có chỗ nhiếp của sân si, không có vong bẫy pháp. Như lực và tất cả chủng diệu trí cũng vậy, chỉ là trí nhiếp. Đoạn vĩnh viễn tập khí không phải là đoạn căn. Chỗ chứng của sáu căn, trong Bồ-đề phần thì bốn niệm trụ, căn, lực, giác chi, đạo chi ít phần là trí. Tứ chánh cần, bốn thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi ít phần là phước. Ngoài ra chỉ là phước không phải trí, căn cứ theo đây mà biết. Do chư công đức chủng môn này mà làm luận, trong đó nên làm bốn câu phân riêng:

1. Có pháp chỉ là trí không phải phước: Đó là mười lực, tất cả trí, tất cả chủng diệu trí, vô vong thất pháp, bốn niệm trụ, nguyện, trí..

2. Có pháp chỉ là phước không phải trí: Đó là các tướng, tùy hảo, ba niệm trụ, đại bi, bốn chánh cần, bốn thần túc..

3. Có pháp cũng là phước cũng là trí: Đó là bốn vô úy, ba bất hộ, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám đạo chi..

4. Có pháp không phải phước không phải trí: y theo sự phân biệt hoặc tập khí đoạn vĩnh viễn, không có làm thành công đức. Còn lại là công đức phước trí của phân biệt môn, nên như lý tư duy.

**Luận:** “Lại y theo sáu chủng”, đến “thông tướng đều có hai”.

Thuật rằng: Điều gọi là phước, điều gọi là trí. Cùng với trí song hành trợ thành trí nghiệp, điều gọi là trí. Đây là y theo trợ bạn thông tướng mà nêu ra thể.

**Luận:** “Biệt tướng của năm chủng trước”, đến “Trí tuệ thứ sáu”.

Thuật rằng: Ngay nơi tánh mà nêu thể. Năm chủng trước là tánh của phước không phải trí, vì Trí tuệ thứ sáu không phải tánh của phước, là tự thể của chánh trí. Lấy sự lân cận sinh khởi để nêu thể.

**Luận:** “Hoặc là ba chủng trước”, đến “còn lại thông với hai thứ”.

Thuật rằng: Ba chủng trước chỉ có phước, cách xa trí tuệ. Chủng thứ sáu thì chỉ có trí tánh là tuệ, các chủng còn lại thì thông với hai thứ, tức là tinh tấn và định, vì lân cận với tuệ cho nên cũng khởi tuệ. Quyển 36, quyển 78 và kinh Giải Thâm Mật nói cũng đồng với đây, các kinh luận đó giải thích rằng, ba chủng trước làm phước, chủng thứ sáu là trí, còn lại hai chủng thông với hai thứ. Hoặc y theo tinh tấn tu bố thí, trì giới, bốn vô lượng... thì gọi là phước. Hoặc y theo tinh tấn tu ba tuệ, sáu

thiện xảo, quán bốn Đế và duyên sinh pháp... thì gọi là trí phần. Hoặc y theo Tinh lự tu bốn vô lượng thì gọi là phước. Hoặc y theo Tinh lự tu sáu thiện xảo thì gọi là trí phần, là trí có sáu thứ mỗi mỗi đều phân riêng, nên biết là vô lượng cho đến nói rộng. Văn này chỉ có ba đoạn, hoặc có đoạn thì lấy ba chủng trước làm phước, nghĩa như trước đã nói, ba chủng sau thì chỉ có trí, vì lân cận sinh trí. Hoặc có đoạn thì cho ba chủng trước cùng với định là phước, một chủng sau chỉ có trí, tinh tấn thì thông với hai chủng còn lại. Hoặc có đoạn thì lấy ba chủng trước cùng với định làm phước, tinh tấn và tuệ làm trí, vì sách tấn tuệ là thù thắng. Trong đây lại nói sáu chủng, như Tổng hợp Sao trong luận Đối Pháp quyển 12 nói. Từ trên đến đây, phước trí là một, chủng là hai đã nói xong.

**Luận:** “Lại có nhị chủng”, đến “hạnh tự lợi lợi tha”.

Thuật rằng: Tùy theo lược của ý lạc mà làm tất cả các công đức, đều thông với nhị lợi.

**Luận:** “Theo tướng riêng mà nói”, đến “hạnh lợi tha nhiếp”.

Thuật rằng: Là Bồ-đề phần. Đồng lấy thiền chi, mười tám bất cộng, các tướng và tùy hảo... là hạnh tự lợi nhiếp. Nhưng quyển 43 ghi: “Sáu độ chỉ có tự lợi, bốn Đế thì nhiếp lợi tha”. Bốn chủng nhiếp sự và bốn vô lượng... đồng lấy thần thông, đại bi, bất hộ, ba niệm trụ đều là hạnh lợi tha nhiếp, chỗ mong trong đây là tổng tụ, từ trước đến nay phân nhiều làm luận, không phải y theo thể tánh, có y theo thể tánh đáng lẽ là bốn câu phân riêng. Hoặc chỉ có tự lợi, là tướng, tùy hảo... hoặc chỉ có lợi tha, là bốn nhiếp... hoặc tự lợi và lợi tha, là sáu Độ Ba-la-mật. Trong bố thí cũng có cả hai thứ lợi. Hoặc đều là phi lợi thì không phải công đức. Dưới đây, sáu đạo bỉ ngạn sẽ giải thích rộng. Pháp của Bồ-đề phần là bốn niệm trụ, bốn chánh cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám Thánh đạo chi, tổng cộng ba mươi bảy thứ, như luận Đối Pháp quyển 10 Sao. Bốn nhiếp, như Đại luận quyển 43 ghi: “Bố thí, ái ngữ, lợi hạnh và đồng sự”. Vì mười môn phân biệt là từ, bi, hỷ và xả, như các bài Sao của luận Đối Pháp quyển 13 và Biệt sao giải thích. Quyển 49 ghi: “Từ Thắng giải hạnh Địa cho đến đạo cứu cánh Địa có bốn thứ Bồ-tát hạnh: một là Ba-la-mật-đa, hai là Bồ-đề phần pháp, ba là thần thông, bốn là thành tựu hữu tình hạnh”, tức là luận kia cũng ghi: “Ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hảo tại chủng tánh Địa. Chỉ có chủng tử y theo thân mà trụ, biết rõ chủng tánh trụ chưa nhập Tăng-kỳ. Hoặc tại thắng giải hạnh Địa mới có thể tu bốn hạnh kia đặc phương tiện. Hoặc trong thanh tịnh tăng thượng ý lạc Địa mà gọi là đặc, tại các Địa khác thì chuyển thanh tịnh thù thắng, tại Như Lai địa thì thiện tịnh

Vô thượng”. Lại nữa, nói: “Hoặc các Phật pháp bất cộng, pháp thấp kém thì trước kia Bồ-tát cũng đã thành tựu, đến khi thành Phật thì thiện tịnh viên mãn”. Lại nữa, tất cả Bồ-đề tư lương này có viển có cận. Viển là khứ Bồ-đề quả viển, tức là chưa đạt được các tướng và tùy hảo khi quả Di thực còn tại Địa tiền. Cận là khứ Bồ-đề cận, là mới đạt được các tướng và tùy hảo khi còn tại quả Di thực. Từ đây trở đi dần dần thanh tịnh, y theo các văn này cho nên biết trong sơ kiếp tu tất cả Bồ-tát hạnh, tất cả Bồ-đề phần pháp. Tuy đặc phần ít thì chưa gọi là chứng, chưa đắc Vô lậu thì chưa gọi là đắc quả Di thực, vì chưa thanh tịnh thù thắng.

**Luận:** “Các hạnh như vậy”, đến “chỗ tu thắng hạnh”.

Thuật rằng: Như vậy tất cả hạnh tự lợi và lợi tha đều là chỗ tu hành thù thắng của vị này.

**Luận:** “Hai chương của vị này”, đến “dũng mãnh bất thoái”.

Thuật rằng: đoạn văn này phần đầu là tổng kết. Chữ luyện là rèn luyện, chữ ma là mài giũa, chữ luyện ma có nghĩa là tu trị.

**Luận:** “Một lần nghe Vô Thượng”, đến “tu các thắng hạnh”.

Thuật rằng: Nhiếp luận quyển 6 ghi: “Nhập vào trong nhân, có ba thứ luyện ma tâm, đoạn trừ bốn xứ, duyên theo cảnh của pháp nghĩa, chỉ và quán hằng thường ân trọng, vì gia hạnh không phóng dật”. Trong đây chỉ có ba thứ luyện ma tâm. Thứ nhất trong luyện ma tâm nói: “Quảng là vô biên, đại là vô thượng, thâm là khó lường, viển là thời gian lâu dài. Kia đã là trượng phu, ta cũng như thế, không nên tự khinh mà thoái lui”. Luyện ma tâm thứ nhất là quảng thâm thoái; luyện ma tâm thứ hai là nan tu thoái - văn dễ hiểu; luyện ma tâm thứ ba là nan chứng thoái - dẫn thiện thô của người khác, những thiện có chướng thiện thì gọi là thô thiện. Nói hạnh thí, là người kia khi mạng chung thì liền được tất cả tự thể viên mãn đáng ưa thích mà sinh. Ta có diệu thiện không chướng ngại thiện, tại sao không đắc tất cả viên mãn? Viên mãn Phật quả tức là chuyển y, vì thâm diệu, công đức sẵn đủ, chuyển y của chư Phật khó có thể chứng. Luận kia đều giải thích rộng, không có nghĩa thú gì khác, ý của luận kia cùng với luận này đồng, không cần dẫn ra. Trước đã nêu ra Bồ-đề, sau lại nêu ra chuyển y, các luận thật ra đều đồng, trừ ra bốn xứ:

1. Lìa tác ý của Nhị thừa.
2. Nghi và lìa nghi.
3. Lìa ngã và ngã sở chấp của chỗ văn và tư.
4. Đoạn trừ phân biệt.

duyên cảnh của pháp nghĩa, là duyên tự cảnh và tự nghĩa. Như các luận kia nói rộng.

**Luận:** “Tiếp theo là gia hạnh vị, tướng nó như thế nào?”

Thuật rằng: Đây là hỏi để phát khởi.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “không phải thật trụ Duy thức”.

Thuật rằng: Dưới đây là đáp.

**Luận:** “Bồ-tát”, đến “pháp thế thứ nhất”.

Thuật rằng: Từ đây xuống, văn Trường hàng có mười đoạn:

1. Hiện nguyên nhân của vị.
2. Giải thích tên chung của vị.
3. Nêu ra pháp sở tu vị.
4. Giải thích tên gọi của bốn pháp và Địa.
5. Giải thích văn của tụng, chánh thuyết minh vị này cũng có sở đắc.
6. Giải thích vị này đối với tướng kia, cùng với thô trọng trôi buộc phân biệt và câu sinh, phục và đoạn.
7. Cảnh sở quán của vị này.
8. Sở y là Địa nào?
9. Phân biệt giới và thú.
10. Phân biệt bảy Địa.

Đây là đoạn thứ nhất. Tổng là tổng kết các hạnh chỗ đã thực hành nói trên, do đắc kiến đạo mà lại tu thêm hạnh này, đáng lẽ bày ra cái tên của nó, nhưng đây là Tăng-kỳ thứ nhất tu tập đã mãn tâm, cho nên nói: “Trước kia đối với vô số Kiếp thứ nhất”, đến nói rộng. Luận Đối Pháp và luận Trang Nghiêm cũng ghi: “Nói rằng các hàng Bồ-tát đã khéo tích tập hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ, đã vượt qua vô số Đại kiếp thứ nhất, đã nghe và tùy thuận thông đạt các pháp Chân như của Khế kinh”, đó là trì, là như lý mà mặc tình khởi ý. Tam-ma-địa là cảnh (gương soi), nương vào chỉ mà định tâm tư duy cảnh tượng Sở tri trong định, quán các cảnh tượng này không khác với định tâm, cho đến nói rộng. Minh, là do hạnh như vậy, cho đến xả lìa hai thứ năng thủ và sở thủ, chứng vô sở đắc, chánh nhập kiến đạo. Xả lìa tất cả thô trọng, đắc thanh tịnh chuyển y, là y. Bốn pháp trước là nhân của Địa, pháp thứ năm là quả của Địa. Cũng nói là vượt qua đây Kiếp thứ nhất, đã tu bốn thiện căn, tức là sơ kiếp đầy tâm tu tập. Như trước đã dẫn kinh Anh Lạc làm chứng điều này đã xong. Chế phục tướng của hai thủ, văn sau sẽ tự nói.

**Luận:** “Tên chung thứ tư này”, đến “Quyết Trạch phần”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai giải thích thuận Quyết Trạch phần. Chân thật Quyết Trạch phần, Quyết trạch là trí, tức là Trạch pháp. Quyết

trạch tức là phần, gọi là Quyết Trạch phần. Quyết là lựa riêng với nghi phẩm, vì Trạch kia cũng có xen vào. Trạch là lựa riêng với kiến phẩm, vì kiến phẩm kia không có Trạch. Nghi phẩm thì có trạch mà không có quyết, kiến phẩm thì có quyết mà không có trạch, cho nên trí phẩm này gọi là Quyết Trạch phần. Phần có nghĩa là chi phần, tức là trạch pháp giác chi. Tại kiến đạo thì Trạch pháp này Vô lậu cho nên gọi là chân thật, vì làm Hữu lậu thì không phải là chân thật. Noãn... bốn pháp này thuận thú với phần kia cho nên gọi là thuận Quyết Trạch phần. Thuận thú, là hành tướng đồng với phần kia, cho nên gọi là thuận, mong cầu đến phần kia cho nên gọi là thú. Hành tướng trong đây đã cùng với phần kia đồng, lại cầu chứng phần kia cho nên gọi là thuận thú. Thuận giải thoát phần ở trước, đã là sơ phát tâm cầu cứu cánh quả, cho nên cách xa phần kia để được tự danh. Thuận Quyết Trạch phần lân cận với kiến đạo, mong tâm xa không bằng nghiệp bắt đầu, cho nên từ lân cận để được tự danh.

**Luận:** “Vì gần với kiến đạo”, đến “không có nghĩa gia hạnh”.

Thuật rằng: Đây là giải thích tên gọi khác nhau. Tên của vị là gia hạnh đạo, gần với kiến đạo, tức là gia hạnh của kiến đạo, Cựu dịch nói là phương tiện đạo, luận này nói là gia hạnh, để hiển cùng với thiện xảo của Phật quả sai biệt. hạnh trong nhân chưa tròn đủ, sở hành cần phải gia công để cầu hậu quả thù thắng. Vạn hạnh trên quả đã đầy đủ thì sở hành chỉ là phương tiện lợi ích hữu tình, để hiển hai pháp khác nhau cho nên pháp này gọi là gia hạnh. Nhưng trong năm đạo thì pháp này riêng gọi là gia hạnh, vì gần với kiến đạo. Không phải tư lương trước không có nghĩa gia hạnh, để hiển tư lương trước cũng gọi là gia hạnh, luận Đối Pháp quyển 8 ghi: “Chỗ có tư lương đều gọi là gia hạnh đạo, có gia hạnh đạo mới không phải tư lương”. Bốn thiện căn này không phải tư lương đạo, gia công mà tu hành sơ vị cũng gọi là gia hạnh, vì gần với kiến đạo mà nói riêng pháp này được tên là gia hạnh.

Hỏi: Lương thực giúp ích quả sau cho chính thân mình thì chỉ có sơ vị gọi là tư lương, gia công mà tu hành cầu quả thì bốn thiện căn riêng được gọi là gia hạnh không?

Đáp: Tư lương còn cách xa để mong đại quả, đầu tiên là được gọi tư lương, vì Vạn hạnh của gia hạnh gia công, sơ vị cũng gọi là gia hạnh.

Hỏi: Gia công mà hành Vạn hạnh thì sơ vị cũng được tên này. Bốn thiện căn cũng mong đại quả thì tư lương cũng thông với bốn thiện căn này?



Đáp: Sơ vị phát tâm rất dũng mãnh, bốn thiện căn không gọi là tư lương, Vạn hạnh tăng thêm lực mới là hạnh, sơ vị cũng gọi là hạnh.

Hỏi: Sơ Vị tâm dũng mãnh gọi là tư lương, bốn thiện căn gần với kiến đạo thì riêng gọi là gia hạnh?

Đáp: Vì gần với kiến đạo thì gọi là gia hạnh, sơ vị không được tên này. Gia công Vạn hạnh mới là hạnh thì sơ vị cũng gọi là gia hạnh. Trong năm đạo, bốn thiện căn riêng gọi gia hạnh, vì gần với nghĩa của kiến đạo, cho nên sơ vị kia không được tên này. Gia công mới là hạnh thì sơ Vị cũng gọi là gia hạnh, đây là giải thích đồng nhau. Giải thích đồng nhau là tư lương quả của bốn thiện căn này cũng gọi là tư lương, nhưng mà văn của luận kia thì phần nhiều nương trụ vào hạnh bên ngoài, phước hạnh và trí hạnh thì phỏng theo lúc ban đầu mà nói. Nếu như thế thì kiến đạo cũng nên gọi là tư lương, vì tư lương của quả? Từ sự tăng thêm mà được tên, chỉ gọi là kiến đạo, không thể gọi là tư lương, cho nên biết từ sự tăng thêm mà được tên, đã gọi là gia hạnh thì không thể gọi là tư lương. Nghĩa căn cứ theo đó mà thành, cho nên giải thích trước là thù thắng. Phần thứ hai giải thích tên của vị đã xong.

**Luận:** “Noãn... bốn pháp”, đến “lập vị thứ nhất và thứ hai”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là Vị thứ ba pháp sở tu, vị thứ nhất và thứ hai là tầm tư quán, hai vị sau là thật trí quán. Đoạn văn này là tổng kết. Thể tánh của tầm tư và như thật trí này, luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Suy cầu danh thì suy cầu đó là nghĩa quán sát”, tức là chỉ có tuệ. Luận Vô Tánh ghi: “Suy cầu phương tiện của hạnh và kiến thì nhân tướng nói tên là tầm tư. Biết rõ sở đắc của giả hữu và thật vô thì quả tướng của phương tiện trí gọi là như thật trí”, tức là chỉ có gia hạnh trí làm thể. Đây là phỏng theo hạnh suy cầu tăng thêm mà nêu ra thể. Hoặc gồm cả tướng tăng thêm thì năm căn, năm lực làm thể và câu hữu thì năm uẩn làm tánh, vì quyết định câu hữu trở thành sắc uẩn. Quyển 73 ghi: “Bốn pháp tầm tư, trong năm sự thì như lý tương ứng với phân biệt tổng nhiếp bốn thứ, chỉ có Hữu lậu. Tư như thật trí thì tất cả đều là chỗ nhiếp của chánh trí”, tức là chỉ có Vô lậu. Quyển 72 ghi: “Trong năm sự thì tương thông với Hữu lậu và Vô lậu, cả hai chỉ là Hữu lậu và cả hai cũng chỉ là Vô lậu”. Chân như là sở duyên của Chân trí, gọi là Vô lậu, không phải nghĩa là tướng lậu tận. Chánh Lậu tận trí có nghĩa là đối trị, cho nên gọi là Vô lậu. Nhiếp luận ghi: “Do bốn tầm tư và như thật trí - trong văn nghĩa tương tự là nói về ý nghĩa - liền có thể ngộ nhập tánh Duy thức”. Quyển 72 kia lại ghi: “Tứ tầm tư thì trong noãn và đánh, thật trí thì trong nhẫn và pháp thứ nhất”. So với luận này cũng đồng, tức

là như thật trí cũng thuộc Hữu lậu nhiếp. Quyển 48 trong Trụ thứ mười ghi: “Trụ trong trụ này thì đặc vô sanh pháp nhãn rất thanh tịnh”, điều này là tại sao? Là các hàng Bồ-tát do bốn tâm tư, đối với tất cả pháp đã chánh tâm tư trước khi đạt được bốn như thật trí, như thật biết rõ tất cả các pháp thì lúc đó tất cả chỗ chấp của Tà phân biệt đều xa lìa. Trong pháp hiện tại đều tùy thuận vô sinh quán của tất cả tạp nhiễm, cho đến nói rộng. Như thật trí này bắt đầu từ thắng giải hạnh trụ, cho đến hữu gia hạnh hữu công dụng trụ, chưa thanh tịnh cùng cực. Hiện tại trụ này đã được thanh tịnh, do đó gọi là vô sanh pháp nhãn, tức là như thật trí là thể của vô sanh nhãn. Nhưng thật nghĩa này, tâm tư chỉ có Hữu lậu, chỉ có tâm gia hạnh suy cầu, vì không phải căn bản trí và Hậu đắc trí. Như thật trí thông với Hữu lậu và Vô lậu, vì thông với gia hạnh, căn bản và Hậu đắc trí. Vị này chỉ có nhãn có thể là quả, hai vị kia chỉ có gia hạnh là nhân. Trong quyển 73 chỉ y theo Vô lậu mà nói là thể của Vô sanh nhãn, không nói thông với Hữu lậu, các kinh luận khác thì căn cứ thông với Hữu lậu và Vô lậu. Vị chưa ấn khả gọi là tâm tư, khi khởi nhãn ấn thì gọi là như thật trí. Trung nhãn tuy cũng quán không có năng thủ, nhưng cũng chưa được ấn khả, trước khi được ấn thì cũng gọi là thật trí, không phải tâm tư cùng với tâm tương ứng. Nếu không như thế thì các Địa trên không có noãn và đỉnh. Quyển 36 ghi: “ngu phu đối với bốn như thật trí này, vì gia hạnh thiếu sót cho nên không hiện tiền, liền có tám thứ tà phân biệt, có thể sinh ra ba sự, có thể khởi hữu tình và khí thế gian. Nếu khi liễu tri thì liền trừ tám phiền não này”. Đăng nghĩa môn này cũng như luận Hiển Dương quyển 6 nói.

**Luận:** “Tứ tâm tư”, đến “giả hữu mà thật vô”.

Thuật rằng: Tên của tất cả pháp và nghĩa của nó, đã ở duyên cảnh pháp nghĩa của vị trước, văn tương tự trong đó, nghĩa của văn (tự) và danh chỉ là nói về ý nghĩa, y theo văn và danh này cũng chỉ là nói về ý nghĩa. Luận Vô Tánh quyển 6 ghi: “danh trong đây là sắc và thọ cũng nhiếp tâm tư của danh nhân và danh quả. Danh nhân là tự (chữ), tự thân, nhiều tự thân và thanh (tiếng). Danh quả là cú, danh thân, nhiều danh thân, cú thân và nhiều cú thân, đều gọi là đó là quả. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Nói rằng suy cầu các pháp tự tương của danh thân, cú thân và văn thân đều không thành thật sự. Danh chiêu gọi pháp thù thắng, chỉ nói là tâm danh. Nghĩa thì như sở thuyên biểu của danh thân đặc uẩn, xứ và giới. Hoặc thể hoặc nghĩa gọi chung là nghĩa, vì nghĩa thì rộng cho nên không nói tự thể của nó. Suy cầu năng thuyên và sở thuyên quyết định không tương ứng. Trong đây chỉ có quán sở chấp của

vọng tình, năng thuyên và sở thuyên chỉ có ý nói về tánh. Trong ý nói, chỉ y theo văn nghĩa khác mà không nói là không có, tức là y theo năng thuyên và sở thuyên của sở thủ, quán này chừ là ý nói về tánh. Luận Đối Pháp ghi: “Đây là tại noãn vị và đảnh vị, vị này chỉ có quán sở thủ không có, cho nên kế sở chấp cũng không có, không phải Y tha khởi. Nếu không như thế thì trở thành tâm điên đảo, vì Y tha thì hữu quán thành vô. Luận Vô Tánh ghi: “Tâm tư y theo chỗ biểu hiện ngoại sự của danh chỉ có ý nói về tánh”. Tư duy nghĩa này tương tự tương bên ngoài chuyển, nhưng thật ra chỉ ở tại bên trong, không phải không có văn nghĩa nói Y tha bên trong. Hai thứ văn nghĩa này chỉ có bên trong pháp, giả gọi là có văn nghĩa bên ngoài pháp, cho nên nói chỉ là giả. Đây là quán tất cả Hữu vi và Vô vi đều nhiếp trong nghĩa, đây là khắp tất cả các Hữu pháp. Y theo hai pháp này mà quán thì ngoài tâm tự tánh của nó cũng không có, chỉ là giả lập như thể của ngã và pháp. Sự sai biệt cũng như thế, như nghĩa của vô thường. Luận Vô Tánh ghi: “Chứng biết bốn thứ hư vọng hiển hiện là do Y tha khởi nhiếp thì liễu đạt bốn thứ Biến kế sở chấp đều là Bất khả đắc”. Quyển 36 trong Chân thật nghĩa phẩm ghi: “Chư Bồ-tát này đối với danh và sự kia, hoặc quán ly tướng, hoặc quán hợp tướng”. Thành hợp tướng quán cho nên thông đạt hai chủng giả lập của hai thứ tự tánh và sai biệt, y theo ly tướng quán mà quán tự tánh của hai chủng. Đã trước hết từ gia hạnh khởi tư tâm tư, bốn tâm tư thì chắc chắn đã có trí quả, tiếp theo phân rõ trí quả.

**Luận:** “Như thật biến tri”, đến “gọi là như thật tri”.

Thuật rằng: Bốn tâm tư trước quán bốn cảnh của kế sở chấp lìa thức thì không có, chỉ quán sở thủ không có, chưa quán năng thủ. Như thật trí nhãn này có thể trước cảnh lìa thức thì không phải có. Sở thủ đã trống rỗng thì năng thủ của năng biến tri, thứ của nó lìa cảnh bên trong thức bên trong quyết định không phải có, và năng thủ cũng trống rỗng. Biết rõ thức bên trong và tướng sở biến không lìa nhau, như tướng Duy thức của các huyền sự, đã biết như huyền rồi thì trên Y tha này không có kế sở chấp thì gọi là hai Không. Y theo đây là thành môn để quán Không lý kia mà nhập Viên thành thật. Điều này tại bốn thiện căn thì chỉ tương tự quán ba tánh, vì chưa chứng Chân như. Khi bốn tâm tư trước không có sở thủ thì noãn vị là hạ vị phục trừ, đảnh vị là thượng vị phục trừ, vì ban đầu phục trừ sở thủ thì khó, cho nên phân ra thượng và hạ. Đến như thật trí vị, hạ nhãn ấn vô sở thủ, trung nhãn thuận với vô năng thủ mà quán phục trừ năng thủ, thượng nhãn khởi vị ấn vô năng thủ, đều là như thật trí quán các phẩm dưới. Tu tập lâu, khi phục trừ năng thủ thì

chỉ có trung nhẫn, thượng nhẫn thì ấn. Thế pháp thứ nhất thì cũng song song ấn hai Không, gọi là như thật trí quán các phẩm trên. Đây là đối với các vị tại Địa tiền mà phân rõ thượng trung hạ, hoặc các vị đã nhập Địa mỗi mỗi đều có thượng và hạ. Căn cứ theo quyển 48 trong Địa thứ tám nói, tức là từ nhập Địa trở đi không khởi tâm tư quán, chỉ khởi như thật trí quán, vì đã trừ hai thủ, không cần phải quán sở thủ là giả hữu. Hai thủ không có cho nên chỉ khởi như thật trí quán, vì bả Địa trở về trước cũng chưa thanh tịnh. Thế này tức là thế của vô sanh nhẫn, vì đã đắc Sơ địa, không cần phải khởi bốn tâm tư quán.

Hỏi: Tại sao danh và nghĩa của các pháp mỗi mỗi đều phải riêng tìm cầu?

Đáp: danh, nghĩa, tự tánh và Sai biệt là hợp chung lại để quán.

**Luận:** “Tướng của danh nghĩa khác nhau”, đến “cho nên hợp chung tư duy quán sát”.

Thuật rằng: Hai thứ danh nghĩa, một là tự tánh đồng, hai là sai biệt đồng, cho nên hợp chung hai thứ tự tánh của danh nghĩa và hai sai biệt làm một hợp quán. Hai thứ trước là danh và nghĩa, hai thứ sau là tự tánh và sai biệt, danh và nghĩa là nêu ra sự tìm cầu, để hiển tìm là cầu, đây là một hình ảnh này có tư duy quán sát, tự tánh và sai biệt nêu ra tư sát, để hiển tư duy là quán sát, là suy, là quán, đây là hai. Hình ảnh này có tìm cầu cho nên các luận nói suy cầu danh và nghĩa, quán sát danh nghĩa là vậy. Trước đã dẫn luận Du-già quán ly tướng và hợp tướng. Ly quán là danh nghĩa quán, hợp tướng là tự tánh và sai biệt. Đây là phần thứ ba nêu ra pháp sở tu, từ đây xuống phần thứ tư là giải thích tên của Tứ Địa.

**Luận:** “Y theo minh đắc định”, đến “cho nên cũng gọi là noãn”.

Thuật rằng: Minh đắc là định, tâm tư là tuệ, cho nên gọi là phát. Hai thứ này đồng thời gọi là phát, như Thế pháp thứ nhất gọi là Vô gián định. Minh là Vô lậu tuệ, tướng minh ban đầu đắc Vô lậu tuệ, cho nên gọi là minh đắc, định của minh đắc thì gọi là minh đắc định. Trong đây mới quán Y tha của bốn pháp đều do tự tâm biến. Đây là giả thi thiết có danh có nghĩa, có tự tánh có sai biệt, thật ra tánh danh nghĩa đều là bất khả đắc. Nhưng trong Y tha thì danh gọi là giả, pháp không có danh, danh không có nghĩa, không có thật tự tánh và nghĩa sai biệt. Hiện tại luận này gọi danh nghĩa cho đến sai biệt, lẽ nào không phải là giả? Như Nhiếp luận nói minh đắc và noãn, cứ theo trong đây giải thích thì hành nói là khởi, từ ví dụ mà đặt tên, như mặt trời mới mọc có tướng khởi trước, là tướng ánh sáng. Nếu nói hành tướng của tuệ minh khởi trước

thì cũng được, ở đây y theo giải thích trước.

**Luận:** “Y theo minh tăng định”, đến “cho nên lại gọi là đánh”.

Thuật rằng: Đánh có nghĩa là cùng cực, văn dễ có thể hiểu. Minh tướng chuyển tịnh lên gọi là minh tăng. Từ đây trở lên, danh của các luận đều đồng.

**Luận:** “Y theo ấn thuận định”, đến “cũng thuận với lạc nhãn”.

Thuật rằng: Ấn sở thủ trước không thuận với năng thủ sau, cho nên không gọi là ấn thuận định. Chữ thuận thông với hai thứ, một là lạc thuận, hai là ấn thuận. Hoặc ba phẩm này đều gọi là nhãn thì trong thượng vị và hạ vị đều ấn nhãn, cho nên lập tên là ấn thuận, một tên ấn thuận thông với Thuận thứ nhất và thứ hai. Hai chữ lạc thuận chỉ ở tại trung nhãn, cho nên hợp chung lại chỉ nói là ấn thuận định. Lại nữa, sai biệt là nhãn phẩm hạ gọi là ấn nhãn, vì ấn chứng sở thủ không có. Nhãn phẩm trung gọi là lạc thuận, vì vui mừng không có năng thủ, thuận với pháp tu kia. Khi nhãn phẩm thượng khởi thì chỉ gọi là ấn thuận, vì ấn chứng năng thủ không có, thuận với pháp quán kia, cho nên hợp chung ba nhãn lại gọi là ấn thuận định. Nhãn là trí, ấn thuận đều là định, cho nên gọi là ấn thuận định. Thuận thứ nhất và thứ hai cứ theo giải thích này. Đối với Vô sở thủ quyết định ấn trì, là hạ nhãn vị. Trong Vô năng thủ cũng thuận với lạc nhãn, là trung và thượng nhãn vị, chữ thuận thì thông với trung vị và thượng vị, chữ lạc thì chỉ ở tại trung vị.

**Luận:** “Đã không có thật cảnh”, đến “vì tương đãi mà lập”.

Thuật rằng: Biến kế sở chấp của sở thủ đã không có thì kế sở chấp năng thủ kia làm gì có!

**Luận:** “Khi ấn thuận nhãn tổng lập làm nhãn”.

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: “Nhập một phần Tam-ma-địa của chân nghĩa”, tức là ấn chứng sở thủ không có, gọi là một phần. Luận Đối Pháp quyển 8 ghi: “Một phần đã nhập tùy thuận Tam-ma-địa”. Luận đó giải thích rằng: “Một phần đã nhập, đối với vô sở thủ từ xưa đến nay giải thích là nhãn, hiện tại tức là hạ nhãn vị. Một phần tùy thuận, đối với vô năng thủ tùy thuận thông đạt với sở y xứ, hiện tại tức là thượng nhãn”, cho nên văn này hay hơn danh của Nhiếp luận, nhưng không bằng trong luận này, vì luận kia không phân hai vị trung nhãn và thượng nhãn, là trung nhãn chỉ có lạc thuận tu vô năng thủ, nhưng chư ấn chứng vô. Thượng nhãn thì ấn chứng vô năng thủ, cho nên cùng với trung nhãn khác nhau. Luận kia tuy có câu “một phần thuận” nhưng không phân riêng lạc thuận và ấn thuận. Khi Thượng trung hạ phẩm Ấn nhãn và Thuận nhãn hợp chung thì ba vị này trong bốn thiện căn tổng

lập làm nhãn. Nhãn thông với hai xứ, tức là ấn nhãn và thuận nhãn, cho nên khi hợp lại làm luận nói là ấn nhãn và thuận nhãn thì ba vị này gọi chung là nhãn trong thiện căn.

**Luận:** “Ấn trước thuận với ấn sau”, đến “cho nên cũng gọi là nhãn”.

Thuật rằng: Gọi ấn thuận là ấn chứng sở thủ trước không có, thuận với năng thủ sau không có, và ấn chứng năng thủ không có cho nên lập tên ấn thuận, đây là giải thích biệt danh của ba vị. Ba vị này nhãn đối với cảnh Không và thức Không cho nên cũng gọi là nhãn, trung nhãn tuy không ấn khả nhưng thuận với lạc nhãn khả cho nên cũng gọi là nhãn, vì trong đây chính là nhãn thuận với nhãn đều gọi là nhãn, không thể vấn nạn rằng trong đẳng vị... cũng thuận với hạ nhãn thì các vị kia đáng lẽ gọi là nhãn, vì vị thứ nhất chưa có nhãn. Vị thứ nhất và vị sau trong nhãn đều có nhãn, cho nên lập tên là nhãn, là nhãn loại của nó cho nên cũng gọi là nhãn, không đồng với noãn.

**Luận:** “Y theo Vô gián định”, đến “Thế pháp thứ nhất”.

Thuật rằng: Cùng với kiến đạo gần nhau song song ấn chứng hai Không, văn đó có thể hiểu. Vô gián tức là định, hoặc là định của Vô gián, cả hai giải thích đều được. Đây là giải thích riêng về thể của bốn thiện căn đã xong, trên đây là giải thích tên của bốn vị.

**Luận:** “Noãn đẳng như vậy”, đến “song song ấn Không tướng”.

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ năm tổng nhiếp nghĩa trên, giải thích văn tụng. Tổng kết nghĩa trước, văn đó dễ hiểu. Trong trung nhãn thuận với lạc nhãn khả, là thuận với nhãn thượng phẩm tu vô năng thủ, vị sau của lạc.

**Luận:** “Vì đều là đối tướng”, đến “mới thật an trụ”.

Thuật rằng: Trên tâm biến như, gọi là thiếu vật, đây không phải là không có tướng cho nên gọi là đối tướng. Tướng là tướng trạng, nếu khi chứng Chân như thì tướng này liền diệt mất, tướng đó tức là Không sở chấp tướng. Hữu Y tha tướng gọi là Không hữu tướng. Nói rằng tướng và Không tướng là chân Thắng nghĩa tánh của Duy thức kia. Chân là tên khác của Thắng nghĩa, là Thắng nghĩa thứ tư, lựa riêng với ba Thắng nghĩa trước, do có tướng này mà chưa chứng Chân lý. Diệt trừ Hữu tướng và vô tướng thì liền nhập Chân như.

**Luận:** “Y theo nghĩa như vậy”, đến “sau xúc vô sở đắc”.

Thuật rằng: Bài tụng trong đây, là Nhiếp Đại thừa luận nói hai bài tụng giáo thọ, truyền dạy cho Bồ-tát. Bài tụng của phân biệt luận Du-già này là sáng tác của Di-lặc, là chỗ dẫn chứng của thể thân, là cổ

nhân nói phân biệt quán luận. Bồ-tát trong định vị, là hiển không phải tán loạn. Trong tư lương vị phần nhiều trụ ngoại môn, định vị này thì phần nhiều tại định nội môn mà tu hành. Quán ảnh tượng chỉ là tâm, quán ảnh của cảnh bên trong nội tâm, lìa tâm không phải có, chỉ là nội tâm. Sơ vị quán này thì ở tại noãn vị, cảnh bên ngoài tâm Biến kể sở chấp, nghĩa tướng đã diệt trừ, quán sát chỉ có tự tướng, chỉ có nội tâm, tức là tại đảnh vị. Trên đã tổng kết hai vị noãn và đảnh, trụ nội tâm như vậy, biết sở thủ chẳng phải có, hai câu này là hạ nhãn vị. Kế đó năng thủ cũng không có, là trung và thượng nhãn vị, hợp chung hai vị này đều là án chứng hai Không, tức là Thế pháp thứ nhất. Vì thời gian ít cho nên từ nhãn vị mà nói, sau đó xúc chạm vô sở đắc thì nhập Chân kiến đạo. Trên đây là phần thứ năm giải thích bài tụng, thuyết minh trong vị này cũng còn hữu sở đắc. Từ đây trở xuống là phần thứ sáu đoạn nhị phước vị.

**Luận:** “Gia hạnh vị này”, đến “cũng chưa có thể đoạn”.

Thuật rằng: Tướng phước là Tướng phần phước Kiến phần, như quyển 5 trước nói trong phần dẫn chứng Thức thứ bảy có, là tất cả tâm Hữu lậu thiện, Vô ký và Bất thiện... đều có phân riêng Tướng phần, tướng này có thể trói buộc tâm, không phải nói phước tức là chấp, mà có nghĩa là tám thức đều có chấp. Tướng phước đối với Kiến phần thông với tám thức, có nghĩa không đúng, vì tám thức Hữu lậu có phân biệt. Tướng phước của phân biệt đối với Kiến phần gọi là tướng phước, không phải chủ yếu là có chấp.

Nếu tướng không chấp cũng gọi là năng phước thì Tướng phần của Hậu đắc trí phẩm đáng lẽ cũng là năng phước?

Đáp: Không phải. Hậu đắc trí kia do đoạn lậu mới đắc, thể không phải cứng nhám, không phải Tướng phần của lậu sở tăng, không phải cảnh phân biệt, sau khi đắc thì Kiến phần duyên tất cả tướng đều thành chứng giải. Hữu lậu thì không như thế, vì có phân biệt, vì đồng thời với lậu tướng, vì là lậu sở tăng, vì không phải do đoạn lậu mà chứng, khi duyên tất cả cảnh thì không phải đều là chứng giải. Hoặc vì tỷ lượng, hoặc trong tâm thiện, hoặc Vô phú Vô ký tâm chỉ có hiện lượng và tỷ lượng, tâm nhiệm ô của nó cũng thông với phi lượng. Đó là nguyên nhân tướng phước có thể câu thúc chướng ngại Kiến phần, không khiến cho minh tịnh, không khiến cho chứng tri, cho nên có khác nhau. Tất cả pháp Hữu lậu có thể trói buộc Kiến phần thì đều gọi là tướng phước.

Hỏi: Nếu như thế tự chứng phần duyên Kiến phần thì trói buộc tự chứng phần hay sao?

Đáp: Có nghĩa cũng là trói buộc, vì là loại Hữu lậu. Có nghĩa cũng không phải, vì không đồng với Kiến phần duyên Tướng phần, vì tự chứng nắm bắt bên ngoài, chỉ là hiện lượng dấy khởi chứng Tướng phần.

Hỏi: Nếu như thế thì hiện lượng tâm Tướng phần của Thức thứ tám đáng lẽ không phải là thể của tướng phược?

Đáp: Do Kiến phần này cũng trói buộc tự chứng phần, vì là loại phân biệt, vì không minh tịnh, vì lậu tâm của Kiến phần tăng thêm tự chứng phần. Tướng mạo của Hữu lậu trói buộc năng quán tâm, gọi là tướng phược, không phải cho rằng tướng đó là Tướng phần. Kinh nói năng thủ và sở thủ triền phược, tức là nghĩa bốn phần trói buộc lẫn nhau, không như thế thì Kiến phần liền không phải là tướng phược, tự chứng phần khi duyên thì cũng không gọi là Tướng phần. Thô trọng phược, tức là tất cả pháp Hữu lậu. Đại luận quyển 58 ghi: “Thô trọng có hai thứ, một là lậu, hai là Hữu lậu. Lậu là A-la-hán khi Tu đạo phiền não đoạn thì đều viễn ly lậu này. Nói rằng có tùy miên, là có thức trong thân, tánh bất an ổn, không có tánh khả năng Kham nhận. Hữu lậu thô trọng, là khi tùy miên đoạn từ chỗ sinh lậu, chỗ huân và phát lậu vốn tánh sở đắc, tánh bất an ổn, tánh khổ nương tựa, và cùng với lậu kia tương tự không có tánh khả năng kham nhận đều được mỏng nhẹ hơn. Văn Thù Vấn kinh quyển thượng phẩm hữu tập khí có hai mươi bốn thứ, tụng của kinh đó ghi: “Tập khí A-la-hán, vì có lỗi lo, chỉ có Phật độ được, vì chúng sinh quy y”. Quyển 58 lại ghi: “Hữu lậu này thô trọng, gọi là phiền não tập, là chỗ Nhị thừa chưa đoạn được, chỉ có Như Lai mới đoạn được rốt ráo, cho nên nói tên của Ngài là vĩnh đoạn tập khí, là bất cộng pháp pháp”. Đại luận quyển 2 ghi: “Chỗ có Hữu lậu chủng tử trong tự thức, nếu là chỗ nhiếp của phiền não phẩm thì gọi là thô trọng, cũng gọi là tùy miên, nếu là chỗ nhiếp của Dị thực phẩm và các Vô ký phẩm khác thì chỉ gọi là thô trọng, không gọi là tùy miên, nếu là chỗ nhiếp chủng tử của tín... các pháp thiện thì không gọi là thô trọng, cũng không phải tùy miên. Do đây khi pháp sinh, sở y tự chứng phần chỉ có khả năng kham nhận, không phải không khả năng kham nhận”. Chỗ tùy của thô trọng là chỗ sinh của tự tánh, cho nên Phật nói là hành khổ. Luận Đối Pháp quyển 10 nói hai mươi bốn thứ thô trọng. Sở tri chương thô trọng thuộc Dị thực phẩm nhiếp, Dị thực phẩm thô trọng cũng Dị thực phẩm nhiếp. Lãnh thọ thô trọng thì nhiếp tất Hữu lậu thọ, tức là thiện thọ cũng trong đó. Một nhọc thô trọng tức là Oai nghi Vô ký, các Vô ký khác cũng nhiếp. Các văn trái nghịch nhau như vậy không phải một,



nhưng tổng hợp các văn này thì như Biệt sao nói. Căn cứ theo văn của quyển 58 thì thô trọng phược tức là tất pháp Hữu lậu, vì lậu và Hữu lậu đều thô trọng. Do tướng phược chưa đoạn mà có tướng phân biệt, cho nên vô kham nhậm thô trọng phược cũng chưa đoạn được. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: “Do hai thứ tướng phược và thô trọng phược chấp hai tự tánh”, là chấp Y tha và kế sở chấp. Nếu giải thích hai thứ phược đối với hai tự tánh chính là Vô sở đắc và Vô sở kiến thì luận kia phỏng theo tâm chấp mà giải thích phược, nếu không phải tâm chấp thì luận kia liền không nói, vì căn cứ theo tạng. Quyển kia lại ghi: “Tánh Y tha khởi này lấy tướng phược và thô trọng phược làm thể”. Tại sao nói là Y tha? Do hai thứ này lẫn nhau làm duyên mới được sinh, là tướng phược làm duyên khởi thô trọng phược, thô trọng làm duyên sinh tướng phược. Tướng phược thì phỏng theo tướng hiện hành, thô trọng phược thì phỏng theo chủng tử mà nói.

Hỏi: Khi luận về thể của nó, các luận đều cho là cùng làm duyên lẫn nhau mà đắc, nhưng văn của luận này thì lấy tướng phược làm hiện hành, thô trọng phược thì làm chủng tử, vì tướng Hữu lậu chưa trừ, chủng tử của hai chướng chưa diệt. Không như thế thì tại sao trong luận này nói tướng phược chưa diệt thì thô trọng phược không đoạn?

Đáp: Trước đã nói tướng phược là chấp hai tánh, nên tế nhị suy xét các văn kia trái nhau. Trong luận này nói tướng phược là tất cả Hữu lậu tướng; nói thô trọng là tất cả tánh bất an ổn của Hữu lậu, đồng với Hữu lậu thô trọng của luận Du-già quyển 58. Sơ địa thì đắc từng phần, Thức thứ sáu trong Địa thứ tám thì đắc hoàn toàn, xưa nay không khởi. Thức thứ bảy thì không có từng phần. Năm thức trước và Thức thứ tám thì hoàn toàn có, thô trọng tùy theo đó mà ứng khởi, Phật Địa thì hoàn toàn không có. Hiển Dương luận quyển 19 ghi: “Tướng phược trói buộc chúng sinh, cũng do thô trọng phược. Khéo song tu chỉ quán, mới đều được giải thoát”, câu văn coi như giải thích ý trên.

**Luận:** “Chỉ có thể phục trừ”, đến “chưa diệt hết hoàn toàn”.

Thuật rằng: Chính trong vị này (gia hạnh), phân biệt hai thủ hoàn toàn có thể phục diệt, cho đến vi tế là tự phân biệt khởi cũng không hiện hành, vì câu sinh hai thủ chưa hoàn toàn phục diệt. Như chỗ nói ở trước, thừa nhận ít phục diệt thì tức là hiện hành, vì phân biệt thì hoàn toàn phục diệt, câu sinh thì ít phục diệt. Hoặc chủng tử của hai thứ câu sinh và phân biệt hoàn toàn chưa diệt được thì chưa đắc Hữu sở đắc Vô lậu, vì có phân biệt. Phần thứ sáu trên đây, phân tướng riêng phược và thô trọng phược, phân biệt phục và đoạn của câu sinh hai thủ. Từ đây

trở xuống là phần thứ bảy thuyết minh cảnh sở quán.

**Luận:** “Bồ-tát trong vị này”, đến “chỉ có quán an lập”.

Thuật rằng: Vị này Bồ-tát đối với an lập đế và phi an lập đế đều cũng là học duyên, hoặc tổng làm nhất thật Chân như, hoặc riêng làm hai Không Biệt và Tổng ba tâm Phi an lập, không phải chỉ có làm bốn Đế sai biệt quán. Kinh Thắng Man ghi: “Bốn Đế của hữu tác và vô tác thì vô tác bốn Đế tức là Phi an lập, vì có sai biệt và danh ngôn thì gọi là an lập, không có sai biệt và lìa danh ngôn thì gọi là Phi an lập. An lập có nghĩa là thi thiết. Bồ-tát trong vị này, nếu gia hạnh không khởi hai thứ quán thì không thể dẫn khởi sinh hai thứ Chân như và Tướng phần Kiến phần, vì cũng không thể phục trừ Nhị thừa. Vì nhập hai Không quán Chân như lý, chính là quán Phi an lập để khởi Du quán, khởi thắng tấn đạo, thành thực Phật pháp. Hàng phục Nhị thừa thì cũng quán An Lập, nhưng Nhị thừa là tự tông, chỉ nói khởi bốn Đế an lập quán, Bồ-tát thì không như vậy. Luận này nói Nhị thừa cũng khởi nhân Không Phi an lập quán, nhưng không đồng với Bồ-tát, vì Bồ-tát thì hai Không đồng thời khởi, để hiển chỗ yếu kém của Nhị thừa cho nên không nói. Lại nữa, Nhị thừa cũng chỉ có khởi an lập, không đồng với Bồ-tát, vì hạnh và trí của Bồ-tát sâu rộng, Nhị thừa kia không phải như vậy. Từ đây xuống là phần thứ tám phân rõ sở y xứ.

**Luận:** “Bồ-tát khởi vị này”, đến “nhập kiến đạo”.

Thuật rằng: Thông ba Thừa trong quyển 69 ghi: “Chỉ nương vào các Tĩnh lực, sơ cận phần và vị chí (chưa đến) thì có thể nhập Thánh đế hiện quán, không phải Vô sắc định. Xa-ma-tha trong Vô sắc định thì hơn Tỳ-bát-xá-na thì kém. Tỳ-bát-xá-na đạo lực yếu kém thì không thể nhập hiện quán. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: “Hiện quán nương vào đâu? Chỉ nương vào Tĩnh lực, không nương vào Vô sắc”.

Hỏi: Nếu có đối với chỗ chấp sáu Địa trung gian này đều có thể nhập hiện quán thì kinh luận nào có văn “trung gian có thể nhập?” Nếu trong sáu Địa có thể nhập hiện quán thì trong quyển 69 tại sao chỉ nói là Tĩnh lực, sơ vị chí? Lại nữa, tại sao trong sáu hiện quán của quyển 71 ghi: Sáu hiện quán này có mấy pháp nương vào vị chí y cho đến Vô sở hữu xứ y có thể đắc?

Đáp: Nhất y và phi y có thể đắc, ngoài ra đều nương vào tất y có thể đắc. Lại nữa, ba y và năm y sinh khởi thì một chủng và một phần cũng như thế. Nếu trung gian thiên có nương nhập hiện quán thì đáng lẽ nói ba y sáu y sinh khởi, vì khi mới sinh thì ba thứ trí đế, biên và giới (luật) chỉ nương vào năm y mà sinh khởi, không nói sáu Địa mà chỉ

thuyết minh trung gian thiên không nhập hiện quán.

Hỏi: Tại sao không nương vào trung gian mà nhập?

Đáp: Vì trung gian kia không có minh lợi Vô lậu. Có minh lợi Vô lậu thì có thể nhập. Lại nữa, trung gian kia là Phạm vương ở phần nhiều là tán loạn, không phải thuần tịnh Địa. Văn của luận Du-già nói nương vào các Tĩnh lự và sơ vị chí, không nói trung gian nhập kiến đế. Trong đây lại nói khi Tiền phương tiện thông với các Tĩnh lự mà nương vào Thiên thứ tư thì mới được đầy đủ, tức là sau cùng chỉ nương vào Thiên thứ tư. Thiên thứ tư thì mong các thiên thù thắng khác, vì phải nương vào tối thắng y để nhập kiến đạo, không nương vào cõi dưới mà nhập. Có công đức của Bồ-tát, quyển 69 ghi: “Tuy các Tĩnh lự đều có thể dẫn phát, phần nhiều nương vào Tĩnh lự thứ tư”. Không đồng với Nhị thừa, vì cõi Dục đó không có tu tuệ, không có bốn thiện căn và Vô lậu cho nên không nói nương vào đó mà nhập. Trước nói trong hai mươi hai căn, vị tri đương tri căn thông với Vô sắc, vì kiến đạo bàng tu của Bồ-tát do mà đắc. Nếu không có kiến đạo và bốn thiện căn thì tại sao nói Tu đạo kia? Quyển 69 ghi: “Khi nhập kiến đạo, như chỗ tu trước hết là chủng tử của các Thế tục trí”. Do kia huân tu mà đều đắc thanh tịnh thì cũng gọi là tu. Đây gọi là để hiện quán biên các Thế tục trí, nêu ra kiến đạo đã sinh khởi trí này, tức là từ phát tâm trở đi đều gọi là vị tri đương tri căn. Kiến đạo bàng tu có trước Thế tục trí cho nên gọi là căn này, có ý muốn hiển trước khi khởi cũng gọi là căn này, tức là Thế tục trí đã có trước khi gọi là vị tri đương tri căn này. Khi nhập kiến đạo thì đã có bàng tu cho nên gọi là căn này, không phải nói rằng Vô sắc có kiến đạo và bốn thiện căn, vì bốn thiện căn chỉ có cõi Sắc hệ, đây là chỉ nương vào một nghĩa. Nếu như thế thì Tu đạo vị đáng lẽ khởi vị tri đương tri căn? chủng tử không khác nhau, nhưng phỏng theo vị và hành tướng thì đều có khác, hiện tại chí tu thì đều duyên khắp, chỉ gọi là dĩ tri nhiếp. Lại nữa, quyển 69 ghi: “Khi sơ trí của kiến đạo sinh thì các trí khác nương đó mà sinh duyên chỗ Nhiếp thọ, cho nên đều gọi là chuyển, lúc này đều không riêng đắc, cho nên chủng tử của cõi Vô sắc trở nên Vô lậu. Đây là khi kiến đạo gọi là tu, là căn này nhiếp. Luận Đối Pháp quyển 6 ghi: “Không tu cõi trên, là y theo Nhị thừa và bất tự tại mà nói”. Hoặc trước đã đắc tự tại thì Tu đạo cũng thông với Vô sắc, như loại trí duyên. Như quyển 69 ghi: “Đây tức là Địa sở y của Thức thứ tám. Nhị thừa nương vào năm Địa, Bồ-tát thì chỉ nương vào Thiên thứ tư”. Các luận đều lấy chung phương tiện mà làm luận. Nói Bồ-tát đã y theo năm Địa, trong đây giải thích Thế pháp thứ nhất và tăng thượng nhãn chỉ có bốn định,

ngoài ra còn thông với các Địa khác.

**Luận:** “Chỉ nương vào cõi Dục”, đến “vì không phải thù thắng”.

Thuật rằng: Quyển 69 ghi: “Không phải sinh lên Địa trên, hoặc cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc”. Có thể nhập Thánh đế hiện quán, vì chỗ đó rất khó sinh chán, nếu có chán ít thì cũng không thể nhập hiện quán, huống chi tất cả tâm chán kia một chút phần cũng không có, tức là không có chút ít tâm chán nào. Cõi sắc và cõi Vô sắc không nhập hiện quán.

Hỏi: Nếu như thế tại sao bậc thánh của Địa kia cũng lìa dục?

Đáp: Không có chán kiến đạo thì tâm chán phân biệt hoặc và các nẻo ác của ba cõi là không có. Không phải không có tâm Hữu lậu ưa cõi trên chán cõi dưới và chán tự Địa ưa sinh cõi trên. Khi nhập kiến đạo thì đều chán tất cả pháp của ba cõi, vì đều do duyên để mới nhập. Đây là từ xưa đến nay đều căn cứ theo hiện quán mà làm luận, không phải căn cứ theo Tu đạo và dị sinh mà làm luận. Giải thích trong luận này, là tâm chán của các cõi khác yếu kém không phải thù thắng. Vì tuệ tâm của nẻo ác khác không phải thù thắng cho nên không nhập kiến đạo. Bài tụng trong quyển 16 của luận Hiển Dương ghi: “Cực thích (rất lo) không phải nẻo ác, cực hận (rất mừng) không phải hai cõi trên. Trong cõi cõi Dục trời người, Phật ra đời hiện quán, Ngài nói nẻo ác không nhập hiện quán, hoặc vì hằng bị ưu lễ nào mà không thể chứng đắc Tam-ma-địa”, tức là ba nẻo ác không thể nhập. Cõi sắc và cõi Vô sắc cũng không có hiện quán, vì tâm mừng vui thô động cho nên tâm chán yếu kém, do đó hai cõi (sắc Vô sắc) và ba thú không khởi hiện quán. Chỉ có một cõi Dục trời người và hai thú, có Phật ra đời, có thể khởi hiện quán, đời Mạt pháp cũng được có, vì Phật ra đời nhiếp dẫn. Không có Phật thì thế gian không đắc, vì không có người thuyết pháp khiến cho sinh chán. Nếu như thế có Phật pháp thì thế gian phát tâm, sau khi pháp diệt mới thành thực lâu lâu rồi tu được nhập hiện quán hay không? Căn cứ theo văn này thì không được, vì không có loại người này. Lại giải thích cũng được, trong đây xưa nay làm luận, tức là ba luận không đồng, hợp lại có nhiều giải thích, căn cứ theo lý thì có thể biết. Đây tức là phần thứ chín y theo thân của giới nào thú nào để phân biệt.

**Luận:** “Vị này cũng là”, đến “chân Thắng nghĩa”.

Thuật rằng: Đây cũng là từ tư lương vị trở về trước. Vị này tức là Địa thứ mười bảy phân riêng, nhiếp tại kiếp nào thì như trước đã nói. Luận Đối Pháp quyển 13 đều có văn này. Nhiếp luận cũng nói giải hạnh Địa, trong đây tu trì, nhậm, cảnh (gương), minh nương năm Địa, như trước đã

dẫn luận Đối Pháp quyển 11 nói. Các môn khác thì nghĩa như sau đây sẽ nói.

**Luận:** “Tiếp theo là thông đạt vị, tướng nó thế nào?”

Thuật rằng: Hỏi Vị thứ ba, dưới đây giải thích kiến đạo.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “lià hai tướng thủ”.

Thuật rằng: Đây là nêu ra tụng có thể biết.

**Luận:** “Nói rằng, hoặc khi Bồ-tát”, đến “tướng hý luận”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích có hai phần:

1. Sơ lược giải thích tụng.
2. Rộng giải thích tụng này.

Hiện tại giải thích hai câu trên của tụng. Không nắm lấy các thứ tướng hý luận là Vô sở thủ tướng, quán chân Thắng nghĩa gọi là Vô sở đắc.

**Luận:** “Lúc đó mới gọi là”, đến “hý luận hiện”.

Thuật rằng: Giải thích hai câu dưới của tụng. Tâm và cảnh tương xứng, Chân như và trí ngằm hợp, đều lià hai thủ, vì dứt bật các thứ hý luận, gọi là bình đẳng bình đẳng. Tánh của chân Thắng nghĩa, thể tức là Chân như, đây là chỉ thiên về ngăn trách Hữu lậu. Hậu đắc trí cũng có tướng, trí này cũng lià tướng hý luận kia.

**Luận:** “Có nghĩa là trí này”, đến “là tướng năng thủ”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ hai giải thích tụng trên. Trong đó có bốn phần:

1. Nói rộng chánh trí.
2. Giải thích tên của vị.
3. Giải thích sai biệt của Chân kiến đạo và tướng kiến đạo.
4. Giải thích khi đắc kiến đạo thì công đức có khác.

Nhưng trong phần nói rộng chánh trí, hai phần của trí này hợp chung có ba giải thích. Phật Địa có hai thuyết, không có phần nói rộng chánh trí này, nhưng tất cả tâm Vô lậu của luận Phật Địa đó hợp chung làm pháp. Luận này thì không như vậy. Nói không có sở thủ tướng và năng thủ tướng là thể của thức hợp chung với Chân kiến đạo, ngằm ngằm không có thủ, không có Phan duyên. Như Nhiếp luận quyển 6, chỗ dẫn chứng tụng của Trang Nghiêm Luận: “Bậc trí thì liễu đạt cả hai đều không có, đồng trụ Chân pháp giới của hai Vô”. Tụng này nói lià tướng của hai thủ, loại này không phải một, khởi phải dẫn ra.

**Luận:** “Có nghĩa là trí này”, đến “trí của danh và Thanh (tiếng)”.

Thuật rằng: Do Sở duyên duyên chủ yếu liên đới tướng. Vấn nạn

sư trước rằng: “Không có Tợ cảnh tướng danh duyên trí kia thì đáng lẽ sắc trí này gọi là trí của Âm Thanh này, vì trên sắc trí này không có tướng của Âm Thanh”. Đây là vấn nạn không có Tướng phần, lấy trí của sắc và Âm Thanh hỏi ngược lại nghĩa của Tỷ lượng, có thể biết. Như Quán sở duyên ghi: “Liên đới với tướng kia mà khởi cho nên danh có ảnh tượng sở duyên của vô phân biệt. Chân như tuy không có thân chứng, nhưng Vô phân tướng riêng cùng với Chân như kia rất giống nhau, không đồng với các trí khác gọi là Chứng Chân như, như luận Đối Pháp quyển 11 Sao mà hiểu.

**Luận:** “Hoặc không có Kiến phần”, đến “quyết định có Kiến phần”.

Thuật rằng: Lấy Chân như ví dụ cho trí, lấy trí ví dụ Chân như không có tướng năng duyên, cũng căn cứ theo trước mà hiểu.

**Luận:** “Có nghĩa là trí này”, đến “không thủ tướng”.

Thuật rằng: Đây là thuyết thứ ba. Kiến phần của trí này thì có, Tướng phần thì không. Nói vô tướng thủ không thủ tướng, là quyển 73 nói. Đã nói vô tướng thủ thì lẽ nào không có Kiến phần, vì không thủ tướng cho nên có thể không có Tướng phần. Luận kia có vài mươi lần vấn nạn, nên phải rộng trình bày.

**Luận:** “Tuy có Kiến phần”, đến “không phải hoàn toàn không có thủ”.

Thuật rằng: Giải thích văn chỗ dẫn giáo của sư thứ nhất. Kiến phần thì đồng với trong thuyết thứ nhất, Tướng phần thì khác, ý văn dễ hiểu. Sư thứ hai nói: “Sở duyên luận nói, thức nương vào tướng kia mà sinh, liên đới với tướng kia cho nên gọi là duyên tướng kia”. Nếu không có Chân như tướng thì đáng lẽ không phải là sở duyên.

**Luận:** “Tuy không có Tướng phần”, đến “vì không lìa Chân như”.

Thuật rằng: Đây là duyên với Chân trí, liên đới với thể tướng của Chân như mà khởi cho nên gọi là sở duyên. Không phải liên đới với ảnh tượng của Tướng phần kia khởi mà gọi là duyên Chân như, vì không lìa Chân như.

**Luận:** “Như Tự chứng phần”, đến “có kiến không có tướng”.

Thuật rằng: Nêu ví dụ để hiển thành tự. Tự chứng phần duyên Kiến phần, không phải liên đới với Tướng phần kia mà khởi, vì được tên là sở duyên. Đây là vô phân biệt cùng với Hậu đắc trí khác nhau, cho nên chắc chắn không có Tướng phần. Như trong bốn duyên của quyển 7 giải thích. Nếu như thế thì tâm Vương đáng lẽ gọi là sở duyên,

vì không hiện ảnh tượng kia liên đới với thể tướng kia mà khởi? Điều này cũng không đúng, vì không phải chỗ tư lự nương gá. Văn còn lại có thể hiểu. Đây tức là phần thứ nhất có phân biệt của Tướng phần và Kiến phần.

**Luận:** “Gia hạnh Vô gián”, đến “cũng gọi là kiến đạo”.

Thuật rằng: kiến tức là đạo, thể là chung. Tổng hợp là liễu đạt, đây là phần thứ hai giải thích tên của vị và kiến đạo.

**Luận:** “Nhưng kiến đạo này lược nói có hai”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ ba giải thích sai biệt của Chân kiến đạo và tướng kiến đạo. Trong đó có hai phần:

1. Phân rõ sai biệt của Chân kiến đạo và tướng kiến đạo.

2. Cùng với sáu hiện quán nhiếp nhau.

Trong phần thứ nhất lại có hai đoạn:

1. Nêu chung có hai.

2. Y theo chỗ nêu mà giải thích riêng.

Đây là phần đầu.

**Luận:** “Một là Chân kiến đạo”, đến “vô phân biệt trí”.

Thuật rằng: Phân biệt tiệm và đốn, một tâm và nhiều tâm. Trong đây phần đầu là tổng kết, phần sau là phân biệt dị thuyết Chân như và tướng sai biệt của các sư. Đây là nêu ra thể của Chân kiến đạo, lấy vô phân biệt trí làm thể, chỉ có trí này mới chứng Chân như.

**Luận:** “Thật chứng hai Không”, đến “trong nói một tâm”.

Thuật rằng: Giải thích nghĩa của Chân như đó bao nhiêu sát-na. Trải qua các vị tuy nhiều sát-na, nhưng vì tướng tương tự cho nên tổng nói một tâm, tức là ba tâm kiến đạo nương vào một tâm này làm chứng, tức là tổng hợp các văn một tâm kiến đạo của quyển 58. Hoặc Một tâm kiến đạo lấy Vô gián, giải thoát và gồm cả nhất thắng tấn gọi là Đa sát-na, gọi chung là một tâm, không phải trong Vô gián lại có nhiều niệm. Nhưng trong đây có hai dị thuyết.

**Luận:** “Có nghĩa là trong đây”, đến “thô tế khác nhau”.

Thuật rằng: Hai Không thì tiệm chứng, hai chướng thì tiệm đoạn, như trong ba tâm Chân kiến đạo dưới đây giải thích. Lấy văn quyển 58, 59, luận Đối Pháp quyển 9 và luận Hiển Dương quyển 17 nói về ba tâm, dẫn chứng tiệm này. Nhưng văn của quyển 59 cũng nói kiến đạo ba tâm gọi là đốn đoạn không riêng khởi quán tâm, tóm lược hai chướng của ba cõi hợp chung lại làm ba phẩm đoạn gọi là đốn, vì ba tâm nhân (người) và pháp này đều khác nhau cho nên gọi là tiệm đoạn. Lý có cạn sâu, vì chướng và trí hạnh có thô tế.

**Luận:** “Có nghĩa là trong đây”, đến “vì có khả năng kham nhận”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói, hai Không đốn chứng, hai chương đốn đoạn. Hoặc ba tâm rốt ráo, một Vô gián, một giải thoát và một thắng tấn, vì từ chân mà nhập Kiến phần và Tướng phần. Hoặc một Vô gián, một giải thoát không mượn thắng tấn, từ thù thắng mà nhập vào yếu kém. Lại còn làm hai thuyết, hợp chung với mười một thuyết, như Biệt sao giải thích. Quyển 58 và luận Đối Pháp quyển 9 ghi: năng duyên của kiến đạo này là bình đẳng bình đẳng trí làm tướng của nó”. Văn nói một tâm, hiện tại luận này lấy dẫn chứng, nhưng quyển 55 thì hay hơn. Trong đây hai đoạn văn giải thích lẫn nhau, như luận Đối Pháp quyển 9 Sao ghi: “Chân kiến đạo này, trước khi gia hạnh thì ý lạc đều đoạn”, cho nên nhập quán vị thì không nên phân riêng làm ba thứ. Có Cổ Đức nói rằng có ba thứ là không đúng.

**Luận:** “Hai là tướng kiến đạo, ở đây lại có hai”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích về tướng có hai phần:

1. Giải thích tướng.
2. Giải thích Hậu đắc trí. Trong phần đầu lại có ba phần:
  1. Tổng.
  2. Biệt.
  3. Giải thích chung.

Đây là phần thứ nhất.

**Luận:** “Một là quán phi an lập đế”, đến “phân biệt tùy miên”.

Thuật rằng: Trong đây có hai phần:

1. Phân rõ hành tướng của tướng kiến đạo.
2. Phân rõ ngôn giáo của tướng kiến đạo.

Trong phần đầu có hai phần:

1. Phân rõ ba tâm.
2. Phân rõ mười sáu tâm.

Đây là phần thứ nhất, nội di là chỉ có duyên trong nội thân mà di trừ giả pháp. Hữu tình giả, trước đã giải thích hữu tình đều là vọng sở kế, chỉ có nội tâm là tương tự hữu tình hiện khởi. Bàn về vô thể của nó thì gọi đó là giả. Duyên trí, là tâm năng duyên, tức là duyên nội thân làm cảnh, là duyên trí di trừ hữu tình giả. Dưới đây đều căn cứ theo đó mà hiểu. Nhưng trong luận này, hai chương nhân và pháp mỗi mỗi đều phân ra thượng và hạ, thô thì làm thượng, tế thì làm hạ, hợp chung làm bốn loại. Nhưng hai Thô thì mỗi mỗi đều trừ riêng, vì trí còn yếu kém



chưa có thể song đoạn cả hai, hoặc thượng phẩm trí thì mới có thể song đoạn, đây là tùy theo trí mà nói là nhuyển (mềm). Mới khởi thì gọi là nhuyển; trí kế đó thì gọi là trung, vì trí này thù thắng hơn trí trước; sau khi khởi thì gọi là thượng, vì đối với đoạn kiến hoặc thì trí này là tối thượng. Lấy hoặc tùy theo trí mà nói ba phẩm. Nhưng hai trí trên thì chưa có thể gọi là thù thắng, chỉ duyên nội thân trừ giả ngã pháp, trí thượng phẩm của tâm thứ ba thì có thể duyên rộng tất cả nội ngoại ngã pháp, cho nên có ba trí khác nhau. Luận này thì nói ba thứ nghĩa của Chân kiến đạo, hoặc là nói giả, vì pháp Chân kiến có sai biệt, hai trí trước thì yếu kém chưa có thể duyên rộng các pháp, trí thứ ba thì thù thắng có thể duyên rộng các pháp. Trí thứ nhất này nói khắp là tướng kiến đạo. Quán phi an lập đế có ba phẩm tâm, trong quyển 55 nói có ba tâm duyên Phi an lập đế. Lại nữa, vì phỏng theo quyết định thì trong tướng kiến đạo quyết định có ba tâm.

**Luận:** “Trước hai tên pháp và trí”, đến “tổng hợp lại duyên”.

Thuật rằng: Chung và riêng đã khác thì nghĩa và danh cũng khác, các luận đều không đồng. Bây giờ tổng hợp các luận lại:

1. Ba tâm của luận Đối Pháp đều là pháp trí.

2. Luận này và luận Du-già thì hai tâm trước là pháp trí, tâm thứ ba gọi là loại trí.

3. Lại nữa, mười sáu tâm thì pháp nhãn và pháp trí gọi là pháp, hai tâm sau thì gọi là loại trí.

Quyển 49 ghi: “Hoặc đã từng tại cõi trên khéo tướng thủ”, tức là có thể dùng loại trí để liễu đạt cõi Sắc và cõi Vô sắc, cõi dưới như thế thì không thể được, chỉ có pháp trí liễu đạt. Tổng quát làm ba ví dụ:

1. Duyên Chân như gọi là pháp, duyên trí gọi là loại, là loại trí ở trước. Mười sáu tâm thì gọi là pháp và loại có thể biết. Luận Đối Pháp thì phỏng theo cả ba tâm đều duyên Chân như, cho nên đều gọi là pháp.

2. Biệt duyên gọi là pháp, tổng duyên gọi là loại, luận này cũng như vậy, không ngay nơi duyên Chân như mà làm luận.

3. Duyên cõi dưới gọi là pháp, duyên cõi trên gọi là loại, là loại của cõi dưới. Văn của quyển 69 cũng vậy, mỗi mỗi đều căn cứ theo một nghĩa, cũng không trái nhau.

**Luận:** “Pháp Chân kiến đạo”, đến “gọi là tướng kiến đạo”.

Thuật rằng: pháp là pháp tắc, lấy sự thôi học làm nghĩa. Trong Chân kiến đạo có Kiến phần của hai Không, tuy cũng có Tự chứng phần nhưng không có pháp đó. Cận duyên Chân như tức là phóng thả ra.

Ngay trong Kiến phần có Vô gián giải thoát, tùy theo chỗ đoạn chương mà có bốn Kiến phần. Ngay trong Vô gián đạo, hai Kiến phần của nhân (người) và pháp mỗi mỗi đều là Biệt pháp cho nên có hai tâm ban đầu. Hai Kiến phần của nhân và pháp trong giải thoát đạo là tổng pháp, có tâm thứ ba, chỉ có pháp Kiến phần là hành tướng của Kiến phần cùng với cảnh Chân như khác nhau, vì nghĩa thể của Tự chứng phần cùng với cảnh Chân như không khác nhau cho nên không có pháp đó. Biệt pháp và tổng pháp là hiển chỗ đoạn của Vô gián có sai biệt, hiển chỗ chứng của giải thoát đạo chỉ có nhất vị (một chất vị). Sự này cho ba tâm và mười sáu tâm đều là tướng kiến đạo, chỉ duyên Phi an lập và an lập khác nhau, ở đây có hai thuyết.

**Luận:** “Có nghĩa là ba tâm này”, đến “duyên bốn Đế”.

Thuật rằng: Sự thứ nhất nói đây là Chân kiến đạo, tức là nghĩa tiếm chứng đoạn thứ nhất của sự nói ở trước. Vì tướng kiến đạo không khởi ba tâm duyên bốn Đế. Như luận Đối Pháp nói, nói rằng chân kiến đạo duyên Phi an lập, không phải trong tướng kiến đạo có thể duyên Phi an lập. Trong đây có riêng khởi Vô gián và giải thoát làm sáu thứ, gồm cả thắng nhập tướng kiến đạo làm thành bảy tâm, hoặc trừ bỏ thắng tấn thành sáu tâm, hoặc sau Vô gián tức là trước giải thoát, là ba Vô gián thêm một tâm giải thoát thứ ba, gồm luân một thắng tấn nhập tướng thành năm tâm cứu cánh. Bồ-tát lợi căn không khởi riêng giải thoát đạo, hoặc tổng quát bốn tâm cứu cánh, chỉ trừ thắng tấn ra, vì từ thù thắng nhập yếu kém, hợp chung có bốn thuyết, như Biệt sao có mười bốn giải thích. Nhưng trong Chân nói trước hết là trừ duyên phẩm nhân chấp, tiếp theo là trừ trung phẩm pháp chấp, làm thành thô tế thượng hạ. Nhưng trong các kinh luận thì nói trước hết trừ thượng phẩm, sau đó mới trừ hạ phẩm. Trong đây thì trước hết trừ hạ phẩm, sau đó trừ thượng phẩm là có ý gì? Trước đã giải thích rồi, nhưng bây giờ lại giải thích thêm, luận này là phỏng theo chỗ để đoạn mà gọi là hạ, nhân chấp thô cho nên gọi là hạ phẩm; các kinh luận kia thì phỏng theo theo thô tế của thật thể mà nói chỗ đoạn trước hết là thượng; luận này thì mong năng trị đạo, kinh luận kia thì mong đương thể. Trong đây chỗ nói trước hết đoạn hạ phẩm thì các luận đều đồng.

**Luận:** “Có nghĩa là ba tâm này”, đến “không Biệt duyên”.

Thuật rằng: Sự thứ hai nói, ba tâm này là chân kiến đạo, vì chân kiến đạo chỉ có tổng duyên Chân như, các luận cũng cùng nói. Làm sao đặc duyên riêng để làm ba phẩm? Vì ý lạc của gia hạnh tâm như thế, nhập Chân như thì quyết định như vậy.

**Luận:** “Hai là duyên an lập đế”, đến “ở đây lại có hai”.

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích mười sáu tâm có hai đoạn:

1. Chung.
2. Riêng.

Đây là tổng. Quyển 55 và luận Đối Pháp quyển 9 đều nói hai phần này là an lập đế.

**Luận:** “Một là nương vào quán”, đến “mười sáu chủng tâm”.

Thuật rằng: Chỉ có trong luận Đối Pháp mới có văn này. Sở thú là đế lý, năng thú là trí duyên lý. Pháp nhãn và pháp trí duyên đế lý làm cảnh để quán sở thú. Loại nhãn và loại trí duyên trí phẩm trước để quán năng thú. Luận này chỉ có lập riêng Vô gián và giải thoát, không tổng hợp lại nói cho nên gọi là lập riêng có mười sáu tâm. Luận Đối Pháp ghi: “Chân như của pháp trí phẩm đạo làm cảnh, pháp trí của trí phẩm đạo làm cảnh”. Chính là cùng với luận này đồng.

**Luận:** “Nói rằng đối với Khổ đế”, đến “nên biết cũng như thế”.

Thuật rằng: Hai mươi tám tùy miên, là dưới cõi Dục khổ có mười, hai giới trên trừ sân ra thì mỗi mỗi đều có chín. Khổ là Khổ đế, pháp là Khổ đế giáo, trí là trí duyên khổ pháp trong gia hạnh đạo, nhãn là Vô lậu nhãn, nhãn trước khổ pháp và trí. Luận Đối Pháp quyển 9 có giải thích rộng. Nhãn nói là trí, là vì quyết đoán, tuệ thì không phải vậy, tuy nhãn và trí không khác nhau, tùy theo dụng mà nêu ra tên. Khổ pháp trí, pháp là khổ như, trí có thể duyên khổ như thì gọi là khổ pháp trí. Khổ loại trí nhãn, nói rằng sau thánh pháp là loại của khổ trí này, gọi là khổ loại trí, duyên với tuệ này thì gọi là khổ loại trí nhãn. Khổ loại trí thì ẩn khả trí của duyên khổ loại, gọi là khổ loại trí.

**Luận:** “Mười sáu tâm này”, đến “tám quán chánh trí”.

Thuật rằng: pháp phẩm duyên Chân như, loại phẩm thì duyên trí.

**Luận:** “Pháp Chân kiến đạo”, đến “gọi là tướng kiến đạo”.

Thuật rằng: Kiến phần của pháp nhãn pháp chân Vô gián đạo, Kiến phần của pháp trí pháp chân giải thoát đạo, tự chứng phần của loại nhãn pháp Vô gián và tự chứng phần của loại trí pháp giải thoát ẩn khả trí trước cho nên có lập riêng. Lại nữa, giải thích pháp nhãn pháp Vô gián đạo và pháp trí pháp giải thoát đạo, đây là tổng pháp. Loại nhãn pháp Vô gián và Kiến phần của giải thoát tuy duyên trí và duyên Chân như không đồng, nhưng Kiến phần là một cho nên hợp chung với pháp, loại trí thì hợp chung với Tự chứng phần hai đạo của pháp. Giải thích trước là gốc.

**Luận:** “Hai là nương vào quán”, đến “mười sáu chủng tâm”.

Thuật rằng: Quyển 55 ghi: “Quán hai Địa trên và dưới an lập khổ thì cảnh của bốn Đế tương tự pháp và loại trí sinh, là hiện Quán vị thứ hai, cho đến nói rộng”. Nói rằng nhấn khả dục lạc trí và hiện quán quyết định trí là hiện quán biên trí để hiện quán. Luận Hiển Dương quyển 17 ghi: “Bốn Đế trí của pháp trí và loại trí không do hạnh sai biệt, nhưng tùy theo hành vi mà nói sai biệt của nó. Trong chân kiến đạo cũng theo nghĩa mà nói có mười sáu tâm. Mười sáu tâm đã như thế thì ba tâm cũng vậy. Hiện tại luận này phỏng theo hạnh sai biệt mà nói, chỉ là tướng. Nhưng trong của luận kia nói mười sáu tâm của hai Địa trên và dưới là Tu đạo, luận Du-già quyển 55 nói là kiến đạo, luận Hiển Dương nói là Tu đạo, không phải trái nhau. Nhưng quyển 55 vẫn nói từ kiến đạo khởi có mười sáu tâm của hai Địa trên dưới sinh, từ ba tâm Phi an lập kiến đạo khởi thì trở thành an lập đế quán này. Không phải hoàn toàn đưa ra kiến đạo ở trong Tu đạo mới khởi. Văn kia có chút ít khác, nên tế nhị mà tìm.

**Luận:** “Nói rằng quán hiện tiền”, đến “hai trí hiện quán”.

Thuật rằng: Cõi hiện tiền, là cõi dưới, tức là cõi Dục, vì hiện đối với cõi Dục mà nhập kiến đạo. Hai cõi trên gọi là bất hiện tiền.

**Luận:** “Như chỗ thích ứng của nó”, đến “Kiến phần quán đế”.

Thuật rằng: Hiện quán nhấn pháp Chân kiến đạo Vô gián đạo Kiến phần và hiện quán trí pháp chân kiến giải thoát đạo đạo Kiến phần không có Tự chứng phần, vì ở sau mười sáu tâm mà khởi quán tâm tiệm thô này, cùng với mười sáu tâm trước quán sai biệt.

**Luận:** “Sở đoạn của đoạn kiến”, đến “gọi là tướng kiến đạo”.

Thuật rằng: Bốn Đế của cõi Dục có bốn mươi thứ, hai cõi trên mỗi cõi có ba mươi sáu thứ thứ, vì mỗi đế của hai cõi trên trừ đi sân, cho nên tổng cộng là một trăm mười hai thứ. Trên đây đều là do quán tâm thuần thực, vì chúng sinh mà nói, khiến cho chúng sinh trước kiến đạo cũng được khởi nhập kiến đạo.

**Luận:** “Hoặc y theo rộng bố giáo”, đến “có chín chủng tâm”.

Thuật rằng: Trên đã phân rõ hành tướng kiến đạo riêng tu tạo, đây là rộng bố giáo đạo lý, tức là Bồ-tát tại kiến đạo không khởi quán này, chỉ vì ban bố giáo lý mà nói sự sai biệt của nó, cho nên cần phải học, tức là y theo giả thuyết đó.

**Luận:** “Đây là y theo trước”, đến “chỉ quán biệt lập”.

Thuật rằng: Tướng kiến đạo an lập đế trước, có hai thứ mười sáu tâm, pháp này đối với mười sáu tâm kia gọi là hai mươi sáu chủng. Pháp kia có hai thứ mười sáu chủng, hai tâm chỉ và quán đều biệt lập.

**Luận:** “Là pháp loại phẩm”, đến “tổng nói làm một”.

Thuật rằng: Quyển 58 cuối ghi: “Nhãn và trí hợp chung là Bát-nhãn hợp làm bốn, vì đều là nhãn loại; tám trí hợp làm bốn, vì đều là trí phẩm. Hoặc tám pháp nhãn và pháp trí hợp làm bốn, duyên Chân như làm cảnh, vì loại đồng nhau. Phẩm nghĩa là phẩm loại, cho nên được làm giải thích này. Tám loại nhãn và loại trí hợp làm bốn, duyên trí làm cảnh, cũng là loại đồng nhau. Đây là y theo tuệ riêng đồng thời với định chỉ có một, rộng như Biệt sao kia nói.

**Luận:** “Tuy trong kiến đạo”, đến “gọi là tướng kiến đạo”.

Thuật rằng: Giải thích chín nguyên nhân. Đây không phải là hai kiến đạo của Chân như và tướng nhiếp. Không khởi quán nhưng phỏng theo sự ban bố giáo lý của tướng kiến đạo nhiếp. Chỉ lấy mười sáu tâm và ba tâm, luận Đối Pháp, luận Hiển Dương và luận Du-già như thứ tự đều có thể Vô gián thứ nhất, cho nên luận này tổng hợp lại nói.

**Luận:** “Các tướng kiến đạo”, đến “chân đã đoạn”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ ba giải thích chung. Trong đó có ba đoạn:

1. Tổng hợp các văn trái nhau.
2. Giải thích chỗ tụng không nói.
3. Trí nhiếp.

Đây là phần đầu. Y theo nghĩa của chân kiến đạo mà giả thuyết tướng kiến đạo là Vô gián, như chỗ dẫn trước luận Hiển Dương quyển 17, chính là cùng với luận này đồng. Ở đây có ba nhân, sinh sau ba tâm tướng kiến đạo chân Phi an lập. Văn còn lại có thể hiểu. Nhưng Phi an lập nhân không khắp nghĩa của ba tâm tướng kiến đạo.

**Luận:** “Chân kiến đạo trước”, đến “cho nên tụng nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích tụng không nói hai thứ kiến đạo. Tụng này tại sao chỉ nói chân? Vì chứng thức tánh quán chiếu Chân như tức là Viên thành thật, tự chứng thức tướng cũng là tự tâm quán đối với Y tha, đây là y theo Kiến phần mà nói. Luận nói phần đầu thì thù thắng, phần sau là hậu đắc nhiếp cho nên không bằng chỗ nói trước. Như quyển 55 giải thích.

**Luận:** “Chân kiến đạo trước”, đến “Hậu đắc trí nhiếp”.

Thuật rằng: Vì hữu tướng và vô tướng khác nhau. Từ trở xuống nhân theo đó mà giải thích Hậu đắc trí.

**Luận:** “Các Hậu đắc trí”, đến “lìa hai thủ”.

Thuật rằng: Hoặc y theo đây mà nói thì Phật không có thuyết

pháp, không có mười lăm cõi. Đại định, trí và bi lấy làm thể tánh, bi nguyên tăng thượng thì tướng âm thanh và sắc trên thức của Chúng sinh sinh khởi. Hậu đắc trí này là thuyết thứ ba của luận Phật Địa. Tuy có ba thuyết có Tướng phần và Kiến phần, nhưng là nghĩa của sư thứ hai trong đây mà sư thứ nhất nói, hai phần đều không có vì lìa hai thủ.

**Luận:** “Có nghĩa là trí này”, đến “vì có phân biệt”.

Thuật rằng: kiến thì hữu và tướng thì vô. Chư Thánh giáo nói trí này có phân biệt cho nên có Kiến phần. Như quyển 55 giải thích.

**Luận:** “Thánh trí đều có thể quán chiếu cảnh”.

Thuật rằng: Lấy lý này làm chứng không có Tướng phần.

**Luận:** “Vì không chấp trước cho nên nói lìa hai thủ”.

Thuật rằng: Trong các kinh luận nói ly hai thủ, là không chấp trước hai thủ, nhưng không phải hoàn toàn không có Kiến phần.

**Luận:** “Có nghĩa là trí này”, đến “Chân như tánh”.

Thuật rằng: Sư thứ ba nói hai phần đều có. Quyển 73 nói Tư Duy, là thuyết minh có Kiến phần tương tự Chân như tướng, vì không thấy tánh chân thật của Chân như, trở nên có Tướng phần. Như bốn câu của luận đó nói rộng.

**Luận:** “Lại nữa, nói trí này”, đến “mà vì nói”.

Thuật rằng: Kinh Phật Địa và Nhiếp luận đều nói, trí này phân biệt các pháp quán hữu tình, trí này trở thành có Kiến phần, phá sư thứ nhất.

**Luận:** “Lại nữa, nói trí này”, đến “thuyết các Pháp sự”.

Thuật rằng: dẫn kinh đặt vấn nạn. Hiện thân và độ (cõi), đều là dẫn văn làm chứng trong quyển 3 của kinh Phật Địa, không phiên dẫn ra. Đây là phá nghĩa không có Tướng phần của sư thứ hai. Trên đây là dẫn giáo, dưới đây là dẫn lý.

**Luận:** “Chuyển sắc uẩn y”, đến “đáng lẽ không có thọ”.

Thuật rằng: Đây là ví dụ về tướng của năm uẩn.

**Luận:** “Lại nữa, hoặc trí này”, đến “đáng lẽ duyên âm thanh”.

Thuật rằng: Đã không có Tướng phần thì các tâm, thân và độ lìa pháp thể của chính mình, không liên đới với ảnh tượng thì đáng lẽ không phải Sở duyên duyên, vì quán chiếu thẳng pháp kia không biến thành tướng, không đồng Chân như, vì Chân như tức là tự thể của trí.

Hỏi: Nếu như thế thì Chân như đáng lẽ không phải Sở duyên duyên, vì không tương tự cảnh tướng?

Đáp: Không phải như vậy, vì tướng liên đới Chân như mà khởi, lìa pháp tự thể thì đã không có ảnh tương tự thì không thể nói liên đới với

tướng Kiến phần mà khởi.

Hỏi: Tại sao nói có Sở duyên duyên, vì tướng kia đều lia tự chứng?

Đáp: Đã không liên đới tướng mà khởi thì gọi là Sở duyên duyên. Khi duyên các sắc thì đáng lẽ cũng duyên âm thanh, vì trí duyên sắc không liên đới với tướng của âm thanh.

**Luận:** “Lại nữa, duyên Vô pháp”, đến “không duyên với dụng”.

Thuật rằng: Không biến thành vô tướng để làm sở duyên của Kiến phần, vì không có Tướng phần thì quán chiếu thẳng nơi Vô, nhưng Vô không phải Hữu thể. Đó là nguyên nhân nghĩa của Sở duyên duyên thế nào được thành, do đây cho nên biết Phật cũng không duyên gần với Vô. Đoạn văn này là lý làm chứng.

**Luận:** “Do đây mà hai phần của Hậu đắc trí đều có”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết lý trên, đã nêu ra sự sai biệt. Dưới đây là giải thích của các môn. Nhưng trong quyển 58, 59 đều có kiến đạo hiện quán phân biệt, nên như luận đó mà hiểu. Quyển 59 thì rất hay, phần lớn là có nghĩa đoạn hoặc của pháp dụng. Chưa được dẫn chứng rộng.

**Luận:** “Hai kiến đạo này”, đến “nhiếp nhau là thế nào?”

Thuật rằng: Đây là hỏi. Kiến đạo thứ nhất cùng với sáu hiện quán nhiếp nhau, trong luận Đối Pháp quyển 13, luận Hiển Dương quyển 17, Đại luận quyển 55 và luận Du-già quyển 71 đều thuyết minh rộng. Luận Đối Pháp nói có mười, luận Hiển Dương nói có sáu hoặc mười tám, luận Du-già nói có sáu, Nhiếp luận quyển 6 nói có mười một thứ hiện quán của ba Thừa, mỗi luận đều khác nhau. Nhưng có ba thứ sai biệt là nghĩa, sự và sở duyên. Như Biệt sao nói.

**Luận:** “Sáu hiện quán”, đến “tư sở thành tuệ”.

Thuật rằng: Hiện là hiện tiền, quán Hiện cảnh này hiện tiền rõ ràng, cho nên gọi là hiện quán. Tối thượng phẩm, là trung phẩm và Hạ phẩm yếu kém cho nên không phải. Hỷ thọ tương ứng, hỷ là có thể biết rõ lợi, riêng có phân biệt. Xả thì không như vậy, có thể cùng với tư của trung phẩm và Hạ phẩm đồng thời, vì tư tuệ của thượng phẩm thì chắc chắn không đồng thời. Quyển 71 ghi: “Hiện quán thứ nhất chỉ cùng với hỷ thọ tương ứng. Tư sở thành tuệ tức là tuệ nhân theo chỗ thành của tư là thể”. Luận Hiển Dương cùng với quyển 71 này đồng. Luận Hiển Dương kia nói hoặc là hiện quán này cùng hành với Bồ-đề phần là tự tánh. Từ đây trở xuống đều nói hiện quán như vậy.

**Luận:** “Quán này có thể quán sát”, đến “cho nên không phải hiện

quán”.

Thuật rằng: Noãn... thuộc cõi Sắc trời buộc. Cộng tướng của quán này có thể dẫn noãn... vì tư có thể sinh tu. Đây là quán tất cả hạnh vô thường, tất cả pháp Chân như, cho nên là tối thắng, gọi là quán cộng tướng, không nói quán tự tướng, vì tự tướng thì Hạ phẩm và trung phẩm nhiếp, vì chưa duyên rộng. Tuy Chân như cũng là tự tướng của các pháp, nhưng khi chưa chứng Chân như thì chỉ có cộng tướng. Còn ở trước kiến đạo thì dụng này rất dũng mãnh. Mạnh là linh lợi, là thù thắng, nói thiên về nó làm hiện quán. Noãn... không thể phân biệt rộng các pháp, chỉ quán sở thủ không có. Tuy cũng quán tất cả pháp Vô ngã, nhưng phần nhiều là có phân đồng để quán. Lại nữa, nói chung ba Thừa, tại Nhị thừa vị thì chỉ có quán riêng biệt các hành tướng của bốn Đế, không bằng tư, là các thứ Tư duy các thứ quán sát gọi là quảng phân biệt, noãn... thì không có khả năng này, không bằng đối với tư mà không lập hiện quán. Các kiến đạo của nó tuy cũng không thể phân biệt rộng các pháp nhưng duyên được chân lý cho nên lập là hiện quán. Quán này cũng không đồng với quán kia, vì chưa chứng lý. Quyển 71 ghi: “Bốn thiện căn không phải hiện quán mà là Đăng lưu”.

**Luận:** “Hai là tín hiện quán”, đến “lập tên hiện quán”.

Thuật rằng: Tín cũng là thượng phẩm, thông với lậu và Vô lậu. Hiện quán là tuệ hiện quán các pháp, vì tín trợ hiện quán khiến cho không thoái chuyển cho nên cũng gọi tín là hiện quán. Có kinh luận nói tín chỉ có Vô lậu cho nên lập là bất hoại tín.

**Luận:** “Ba là giới hiện quán”, đến “cũng gọi là hiện quán”.

Thuật rằng: Tức là đạo cộng giới. Quyển thứ nhất trước nêu ra thế đã nói xong, vẫn còn lại có thể hiểu.

**Luận:** “Bốn là hiện quán trí đế hiện quán”, đến “trí vô phân biệt”.

Thuật rằng: Là tại vị nào mà chỉ duyên Phi an lập? Tức là thông với hai trí, đều là vị này nhiếp, cho nên nói Tất cả chủng. Quyển 71 ghi: “Vị này duyên cảnh của Phi an lập đế, tư làm tánh”. Quyển 55 ghi: “Ba tâm kiến đạo là vị này hiện quán”, tức là hai trí của tất cả kiến đạo và Tu đạo, không lấy hai trí của Vô học, cùng với cứu cánh hiện quán không khác nhau.

**Luận:** “Năm là hiện quán biên trí đế hiện quán”, đến “trí của thế và xuất thế”.

Thuật rằng: Trí này thông với tất cả kiến đạo và Tu đạo của Hữu lậu và Vô lậu, duyên với an lập trí. Quyển 71 ghi: “Tuệ duyên với cảnh



của An lập đế là tự tánh này”.

**Luận:** “Sáu là cứu cánh hiện quán”, đến “cứu cánh vị trí”.

Thuật rằng: Là chỗ có các trí trong cứu cánh vị của tận trí, tức là thông với mười trí, nhưng đều là Vô lậu. Quyển 71 ghi: “Tận vô sinh trí làm tự tánh”. Hoặc trí này đồng thời hành Bồ-đề phần pháp làm tự tánh. Quyển 69 ghi: “Mười trí vô giác đều là Vô lậu”, nên xem xét văn đó. Nghĩa của các môn này có thể lấy chỗ thuyết minh rộng của các luận như trên, tổng hợp các chỗ thêm bớt không đồng.

**Luận:** “Chân kiến đạo này”, đến “cho nên không nhiếp nhau”.

Thuật rằng: Lấy kiến đạo này nhiếp sáu hiện quán thì Chân kiến đạo nhiếp phần ít hiện quán thứ tư, trong hiện quán thứ tư cũng có tướng kiến đạo duyên Phi an lập đế, vì cũng thông với Tu đạo. Tướng kiến đạo của nó thì nhiếp phần ít hiện quán thứ tư, cũng nhiếp chân kiến đạo cho nên hiện quán thứ năm cũng phần ít thông với Tu đạo. Văn còn lại có thể hiểu.

**Luận:** “Bồ-tát đắc trí này”, đến “sinh vào nhà Như Lai”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ tư, công đức Nhập Địa. Quyển 6 của Thế Thân nói: “Do trí này có thể khiến cho chủng tánh của chư Phật không đoạn tuyệt”. Luận Vô Tánh ghi: “Pháp giới của Phật gọi là Như Lai gia, đối với Như Lai gia mà chứng đạt thì gọi là sinh vào, từ nơi sở duyên thắng trí này mà sinh, là chuyển sở y này sinh đến sở y khác, tiếp nối Phật chủng khiến cho không đoạn tuyệt, cho đến Bát-nhã chứng chân pháp giới, gọi là sinh vào nhà Như Lai, gọi là chân Phật tử”. Vì do Bát-nhã này mà dựng lập tự tướng tương tục.

**Luận:** “Trụ cực hỷ Địa”.

Thuật rằng: Trụ cực hỷ Địa trong Thập Địa, dưới đây sẽ giải thích Địa này. Quyển 47 thì nói phân ra thập vương vị, phần nhiều làm Chuyển luân thánh vương, là vua hoa quả của châu này.

**Luận:** “Khéo đạt pháp giới, đắc các bình đẳng”.

Thuật rằng: Vô Tánh nói: “Vì trong pháp giới này khởi chứng sau xa, đắc các bình đẳng”. Kinh Phật Địa ghi: “Đắc mười bình đẳng”. Nhiếp luận quyển 6 ghi: “Đắc ba thứ tâm tánh của tất cả hữu tình, tất cả Bồ-tát và tất cả Như Lai”. Rộng như kinh luận đó giải thích.

**Luận:** “Thường sinh trong đại tập tổng hợp của chư Phật”.

Thuật rằng: Tức là thường sinh trong tha thọ dụng độ, như kinh Phạm Võng, kinh Thập Địa nói, đến sau trong phần Thập Địa sẽ nói rộng.

**Luận:** “Đã đắc tự tại đối với nhiều bách môn”.

Thuật rằng: Quyển 47 ghi: “Một khoảng sát-na chứng hàng trăm Tam-ma-địa, dùng tịnh Thiên nhãn nhìn thấy quốc độ của chư Phật, nhìn thấy hàng trăm Như Lai, chấn động hàng trăm thế giới, thân cũng có thể đến thế giới của Phật kia phóng Đại quang minh, hóa thành hàng trăm loại khiến cho người khác nhìn thấy, thành thực hàng trăm loại chỗ hóa độ hữu tình, hoặc muốn thọ mạng lâu dài trụ hàng trăm kiếp, nhìn thấy các sự ở tiền tế và hậu tế trong hàng trăm kiếp, trí kiến có thể nhập hàng trăm pháp minh môn, hóa thành hàng trăm thân, đều có thể hiện hàng trăm quyền thuộc của Bồ-tát”, tức là đối với thập bách tự tại, gọi là nhiều bách môn.

Luận: “Tự biết không lâu”, đến “lợi lạc tất cả”.

Thuật rằng: Đã chứng Chân như thì liền tự biết chứng, là hạnh tự lợi. Quyển 69 ghi: “Quả Dự lưu còn có thể tự biết, hưởng chi hạnh lợi tha của Bồ-tát này lợi lạc tất cả”. Rộng nói tướng này, như kinh Thập Địa quyển 3 ghi: “Kia có thập nhị bách”, tức là kinh đó thêm ba thứ:

1. Thêm tri bách Phật thân lực, biết hàng trăm thân lực của Phật - tức là kiến bách thấy hàng trăm Phật trong đây nhiếp.
2. Thêm năng nhập bách Phật Thế giới, là có thể nhập hàng trăm Thế giới của Phật - tức là động bách Thế giới trong đây nhiếp.
3. Thêm chiếu bách Thế giới, là chiếu soi hàng trăm Thế giới của Phật - cũng trong động bách Thế giới nhiếp. Kinh kia lại thiếu “thành thực hàng trăm loại chỗ hóa độ hữu tình”. Luận có thập bách, kia ngược lại là lỗi. Trong văn của luận kia cũng nhập chung vào chiếu bách Phật Thế giới để giải thích, người đọc nên xem xét. Như quyển 49 ghi: “Bồ-tát tại vị này có mười thứ phát tâm”. Như luận Thập Địa trong Địa thứ nhất thì ghi: “Mười thứ đại nguyện”. Như Thập Địa quyển 3 thì ghi: “Mười thứ tịnh tu trụ pháp, đã thấy chư Phật, đã nghe Chánh pháp”. Đều như luận Thập Địa quyển 3 nói rộng. Luận Du-già quyển 47, 48, 49 đều giải thích rộng, mỗi mỗi đều nên xem xét tế nhị sai biệt của văn nghĩa. Lại nữa, khởi quán A-lại-da thức tánh Y tha thì như quyển 51 nói sai biệt của ba Thừa.

